

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
<b>MỞ ĐẦU</b>	
<b><u>Chương 1:</u> Tổng quan về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.</b>	03
<b>1.1- Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .....</b>	03
<b>1.1.1 Chi phí sản xuất.....</b>	03
1.1.1.1 Khái niệm Chi phí sản xuất.....	03
1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất.....	03
<b>1.1.2 Giá thành sản phẩm. ....</b>	07
1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.....	07
1.1.2.2 Phân loại giá thành.....	07
<b>1.1.3- Mối quan hệ CPsx và tính giá thành sản phẩm và yêu cầu quản lý.....</b>	09
1.1.3.1 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	09
1.1.3.2 Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	09
<b>1.1.4- Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....</b>	10
<b>1.1.5- Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.....</b>	11
<b>1.2- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ..</b>	12
<b>1.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....</b>	12
1.2.1.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, phân bổ chi phí sản xuất. ....	12
1.2.1.2 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất ở doanh nghiệp....	14
1.2.1.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất đối với những doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) .....	15
1.2.1.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất đối với những doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	26

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

1.2.1.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.....	28
1.2.1.3.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo CP NVL TT .....	29
1.2.1.3.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.....	30
1.2.1.3.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức....	31
<b>1.2.2- Kế toán tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>31</b>
1.2.2.1 Đối tượng tính giá thành.....	31
1.2.2.2 Kỳ tính giá thành.....	31
1.2.2.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	31
1.2.2.3.1 Phương pháp tính giá thành trực tiếp.....	32
1.2.2.3.2 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ.....	32
1.2.2.3.3 Phương pháp hệ số.....	33
1.2.2.3.4 Phương pháp tỷ lệ.....	34
1.2.2.3.5 Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:.....	34
1.2.2.3.6 Phương pháp tính giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp.....	35
<b>1.3- Các hình thức kế toán áp dụng .....</b>	<b>37</b>
<b>Chương 2: Thực trạng về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....</b>	<b>39</b>
<b>2.1 Vài nét khái quát chung về Cty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi .....</b>	<b>39</b>
<b>2.1.1 Tổng quan về công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi .....</b>	<b>39</b>
<b>2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....</b>	<b>39</b>
<b>2.1.3- Phương hướng sản xuất kinh doanh chính.....</b>	<b>40</b>
<b>2.1.4- Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi. ....</b>	<b>40</b>
2.1.4.1 Chức năng nhiệm vụ của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....	40

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

2.1.4.2 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị:.....	42
2.1.4.3 Đặc điểm về sản phẩm, quy trình công nghệ ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	44
<b>2.1.5-</b> Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:.....	45
<b>2.1.6-</b> Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi. ....	46
2.1.6.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	48
2.1.6.3 Hình thức ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.....	49
2.1.6.4 Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	50
<b>2.2</b> Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm tại công ty.....	51
<b>2.2.1</b> Phân loại chi phí sản xuất ở công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....	51
<b>2.2.2</b> Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm	52
2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:.....	52
2.2.2.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	52
<b>2.2.3-</b> Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng.....	52
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng: (các chứng từ trung gian sau ).....	53
2.2.3.2 Tài khoản sổ kế toán sử dụng.....	53
<b>2.2.4-</b> Quy trình ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....	53
<b>2.2.5-</b> Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	53
2.2.5.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	53
2.2.5.2- Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.....	61
2.2.5.3- Kế toán chi phí sản xuất chung.....	69
<b>2.2.6-</b> Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.....	78
2.2.7- Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....	81
<b>2.2.8-</b> Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	82
2.2.8.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	82

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

2.2.8.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm:.....	82
2.2.8.3 Kỳ tính giá thành.....	82
2.2.8.4 Phương pháp tính giá thành.....	83
<b>Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.....</b>	<b>87</b>
<b>3.1 Những nhận xét đánh giá khái quát về hoạt động sản xuất, tổ chức quản lý và công tác kế toán trong công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.....</b>	<b>87</b>
<b>3.1.1 Ưu điểm.....</b>	<b>87</b>
3.1.2 Nhược điểm.....	93
<b>3.1.3 Nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại.....</b>	<b>95</b>
<b>3.2 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....</b>	<b>96</b>
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	96
<b>3.2.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện .....</b>	<b>96</b>
3.2.3 Các nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện.....	97
<b>3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty .....</b>	<b>100</b>
3.3.1 Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ:.....	100
3.3.2 Kiến nghị 2: Về việc luân chuyển chứng từ:.....	100
3.3.3 Kiến nghị 3: Đối với vật dụng bảo hộ lao động. ....	100
3.3.4 Kiến nghị 4: Về mẫu sổ cái và sổ chi tiết.....	102
3.3.5 Kiến nghị 5: Đối với chi phí nhân công trực tiếp.....	102
3.3.6 Kiến nghị 6: Đối với những chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.....	102
3.3.7. Kiến nghị 7: Áp dụng kế toán quản trị vào cung cấp thông tin .....	103
3.3.8 Kiến nghị 8: Về việc áp dụng kế toán máy.....	103

## **KẾT LUẬN**

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt cùng với những điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp luôn phải đặt mình vào những cơ hội và thách thức mới. Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trên thị trường thì phải tự tìm ra cho mình một phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh với những sản phẩm tốt cả về mẫu mã và chất lượng, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ khác. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có quản lý chi phí sản xuất.

Là một khâu trong hệ thống hạch toán kế toán, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò trọng tâm trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không chỉ dừng lại ở việc tính đúng, tính đủ chi phí trong giá thành mà còn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời cho các nhà quản trị doanh nghiệp để kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm cũng như phân tích tìm ra các nhân tố làm biến động chi phí, từ đó có biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi, xuất phát từ sự nhận thức về tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đồng thời được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú trong bộ phận kế toán của công ty, em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi ”

**Bài khoá luận ngoài mở đầu và kết luận gồm có 3 chương :**

**Chương 1:** Tổng quan về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

Với thời lượng thực tập còn chưa nhiều, khả năng nắm bắt nhận thức còn có hạn. Hơn nữa lý thuyết học tập và thực tế đòi hỏi phải có một thời gian công tác nhất định. Vì vậy những gì mà bản thân em nhận thức được và trình bày trên đây chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em mong nhận được sự hướng dẫn, nhận xét, đánh giá, góp ý của Ban giám đốc, các cô chú trong phòng kế toán của công ty, các thầy giáo, cô giáo để hoàn thành bài khóa luận và nâng cao kiến thức của bản thân phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các cô chú trong phòng kế toán tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là cô giáo hướng dẫn Bùi Thị Chung đã giúp đỡ, tạo điều kiện chỉ bảo cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**Hà Nam, ngày 15 tháng 6 năm 2009**

**Sinh viên**

**Lê Thị Quỳnh Thơ**

**CHƯƠNG I**

**TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ  
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
TRONG DOANH NGHIỆP .**

**1.1- Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .**

**1.1.1 Chi phí sản xuất.**

**1.1.1.1 Khái niệm Chi phí sản xuất.**

Doanh nghiệp sản xuất là doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Để tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có ba yếu tố đầu vào cơ bản:

- ✓ Tư liệu lao động: nhà xưởng, máy móc, thiết bị và những TSCĐ khác.
- ✓ Đối tượng lao động: nguyên liệu, vật liệu.
- ✓ Sức lao động: sức lao động của con người.

Để có được các yếu tố đầu vào trên doanh nghiệp phải bỏ ra một khoản chi phí nhất định và người ta quan niệm đó là chi phí sản xuất.

Vậy chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hoá mà doanh nghiệp chi ra trong kỳ để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

Để nghiên cứu sâu hơn về chi phí sản xuất ta tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo những cách sau:

**1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất.**

Chi phí sản xuất kinh doanh có thể phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và công tác quản lý. Tuy nhiên về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân theo các tiêu thức sau:

**❖ Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng kinh tế của chi phí:**

Theo cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế sẽ được xếp vào một loại gọi là các khoản mục chi phí. Có các khoản mục chi phí sau đây:

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, bán thành phẩm được sử dụng cho quá trình chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản trích theo lương vào chi phí sản xuất, trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện công tác lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

- Chi phí sản xuất chung: Là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, đội sản xuất. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: Bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, đội sản xuất.

+ Chi phí vật liệu: Bao gồm chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng sản xuất với mục đích là phục vụ và quản lý sản xuất.

+ Chi phí dụng cụ: Bao gồm chi phí về công cụ, dụng cụ dùng ở phân xưởng để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất quản lý và sử dụng .

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của phân xưởng, đội sản xuất.

+ Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng sản xuất.

Tác dụng: Cách phân loại này giúp ta biết được kết cấu của chi phí sản xuất theo các yếu tố, làm căn cứ xây dựng các định mức chi phí một cách cụ thể đối với từng khoản mục chi phí.

❖ **Phân loại chi phí sản xuất căn cứ và nội dung, tính chất kinh tế của chi phí ( Phân loại theo yếu tố ).**

Căn cứ vào nội dung kinh tế của chi phí để sắp xếp những chi phí có nội dung kinh tế ban đầu giống nhau vào cùng một nhóm chi phí. Cách phân loại này không phân biệt nơi chi phí phát sinh và mục đích sử dụng của chi phí. Mục



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

đích của cách phân loại này để biết được chi phí sản xuất của doanh nghiệp gồm những loại nào, giá trị từng loại chi phí là bao nhiêu.

Theo cách phân loại này các chi phí sản xuất được phân chia thành các yếu tố chi phí sau:

- *Chi phí nguyên liệu và vật liệu*: Yếu tố chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ. Yếu tố này bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.

- *Chi phí nhân công*: Là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tiền lương của người lao động .

- *Chi phí khấu hao máy móc thiết bị*: Chi phí khấu hao của tất cả các TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua từ bên ngoài: Tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại... phục vụ cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- *Chi phí bằng tiền khác*: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên như: chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị...

Tác dụng: Cho biết nội dung, kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí mà doanh nghiệp đã sử dụng vào quá trình sản xuất trong tổng chi phí sản xuất doanh nghiệp.

- Số liệu chi phí sản xuất theo yếu tố là cơ sở xây dựng các dự toán chi phí sản xuất, xác định nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, xây dựng các kế hoạch về lao động, vật tư, tài sản ... trong doanh nghiệp.

- Nó còn cơ sở để phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, cung cấp số liệu để lập thuyết minh báo cáo tài chính ( Phần chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố ), từ đó để tính và tổng hợp thu nhập quốc dân.

❖ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với số lượng sản phẩm sản xuất**

- Chi phí cố định là những chi phí mang tính tương đối ổn định không phụ thuộc vào số lượng sản phẩm sản xuất trong một mức sản lượng nhất định. Khi sản lượng tăng thì mức chi phí cố định tính trên một sản phẩm có xu hướng giảm.

- Chi phí biến đổi là những chi phí thay đổi phụ thuộc vào số lượng sản phẩm sản xuất. Các chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp,...thuộc chi phí biến đổi. Dù sản lượng sản phẩm sản xuất thay đổi nhưng chi phí biến đổi cho một sản phẩm vẫn mang tính ổn định.

Cách phân loại chi phí theo chi phí cố định và chi phí biến đổi có vai trò quan trọng trong phân tích điểm hoà vốn phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh của Giám đốc doanh nghiệp.

❖ *Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí gồm:*

- Chi phí trực tiếp: là những chi phí sản xuất có quan hệ trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm hoặc một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất nhiều loại sản phẩm, công việc, những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng theo những tiêu thức phù hợp.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

❖ *Phân loại theo nội dung cấu thành của chi phí:*

- Chi phí đơn nhất: là các chi phí do một yếu tố duy nhất cấu thành.

- Chi phí tổng hợp: là chi phí do nhiều yếu tố khác nhau tập hợp lại theo cùng một công dụng như chi phí sản xuất chung.

Cách phân loại này giúp cho kế toán xác định và nhận diện vị trí của từng loại chi phí trong việc hình thành sản phẩm từ đó tổ chức công tác kế toán phù hợp với từng loại.

### **1.1.2 Giá thành sản phẩm.**

#### **1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm:**

Giá thành sản xuất là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải chi ra dùng để hoàn thành một khối lượng sản phẩm lao vụ, dịch vụ nhất định.

Như vậy, giá thành sản phẩm là những chi phí sản xuất gắn liền với một kết quả sản xuất nhất định. Nó là một đại lượng xác định, biểu hiện mối liên hệ tương quan giữa hai đại lượng: Chi phí sản xuất đã bỏ ra và kết quả sản xuất đã đạt được.

#### **1.1.2.2 Phân loại giá thành.**

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán, giá thành sản phẩm được phân chia làm nhiều loại khác nhau tùy theo các tiêu thức sử dụng để phân loại giá thành.

#### **❖ Phân loại giá thành sản phẩm theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành:**

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại sau:

- Giá thành sản phẩm kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch bao giờ cũng được tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Giá thành sản phẩm là mục tiêu phấn đấu trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cũng là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành sản phẩm định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế- kỹ thuật của từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Giá thành sản phẩm định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giá thành sản phẩm thực tế: Là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh, tập hợp được trong

kỳ và số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Tác dụng: Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức cho phù hợp.

### **❖ Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành giá thành:**

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành 5 loại:

- Giá thành sản xuất toàn bộ: là giá thành bao gồm chi phí liên quan đến quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm như: CP NVLTT, CP NCTT và chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm đã sản xuất hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng để hạch toán thành phẩm, giá vốn hàng xuất bán và mức lãi gộp trong kỳ của doanh nghiệp.

- Giá thành sản xuất theo biến phí: là giá thành mà trong đó chỉ bao gồm biến phí phụ thuộc CP NVLTT, CP NCTT, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành.

Do giá thành sản xuất theo biến phí chỉ bao gồm biến phí sản xuất nên còn gọi là giá thành sản xuất bộ phận.

- Giá thành toàn bộ theo biến phí: là loại giá thành sản phẩm trong đó bao gồm toàn bộ biến phí ( biến phí sản xuất, biến phí bán hàng, biến phí quản lý doanh nghiệp) tính cho sản phẩm tiêu thụ.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Như vậy, giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất và đã tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán và xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

Tác dụng: Cách phân loại này có tác dụng giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng loại mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất.

### **1.1.3- Môi quan hệ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và yêu cầu quản lý.**

#### **1.1.3.1 Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm:**

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chúng là hai mặt của quá trình sản xuất: Chi phí sản xuất là cơ sở tạo nên giá thành sản phẩm, còn giá thành sản phẩm là thước đo chi phí đã bỏ ra để có được sản phẩm đó. Giữa chúng có những điểm giống và khác nhau:

##### **+ ) Điểm giống nhau:**

Chúng giống nhau về chất vì đều cùng biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra.

##### **+ ) Điểm khác nhau:**

Chúng khác nhau về lượng. Khi nói đến chi phí sản xuất là giới hạn chung một thời kỳ nhất định, không phân biệt là cho loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa, còn khi nói đến giá thành sản phẩm là xác định một chi phí sản xuất nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Có thể khái quát mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm qua công thức sau:

$$Z_{SP} = D_{ĐK} + C - D_{CK}$$

Trong đó :  $Z_{sp}$ : Giá thành sản phẩm

$D_{ĐK}$ : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

$C$  : Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

$D_{CK}$ : Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

#### **1.1.3.2 Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.**

Bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào cũng đạt mục tiêu nâng cao lợi nhuận lên hàng đầu. Vì vậy một yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Từ đó giúp doanh nghiệp giảm bớt được giá bán, đẩy nhanh tốc độ tiêu

thụ, khả năng thu hồi vốn nhanh, làm tăng lợi nhuận. Do vậy đòi hỏi doanh nghiệp cần xây dựng những biện pháp quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm hiệu quả.

Trong đó, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những biện pháp không thể thiếu được.

Trước tiên, kế toán cần phải hiểu, xác định đúng đắn và phản ánh trung thực từng loại chi phí sản xuất thì mới có thể kiểm soát chính xác tổng chi phí và từng chi phí riêng biệt.

Mặt khác, xây dựng định mức chi phí và quản lý theo định mức để có thể xác định các khoản chi tiêu là tiết kiệm hay lãng phí để kịp thời điều chỉnh.

### **1.1.4- Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm :**

Chi phí và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy được chủ doanh nghiệp rất quan tâm.

Tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm. Mặt khác đây cũng là khâu trung tâm của toàn bộ công tác kế toán ở doanh nghiệp, chi phối đến chất lượng của các phần hành kế toán khác cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán có liên quan, trong đó kế toán các yếu tố chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng

kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo các phương án phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đối tượng cụ thể của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên, từng bộ phận kế toán có liên quan.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận- xử lý- hệ thống hoá thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

### **1.1.5- Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.**

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong các doanh nghiệp sản xuất, nếu biết cách sử dụng nó sẽ thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

+ Xác định đúng đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

+ Phải tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán mà doanh nghiệp áp dụng.

+ Tổ chức tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất mà doanh nghiệp đã xác định, theo yếu tố và khoản mục giá thành.

+ Lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố ( trên thuyết minh báo cáo tài chính), định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

+ Tổ chức kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang khoa học, hợp lý, xác định giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ một cách đầy đủ, chính xác.

### **1.2- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

#### **1.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.**

##### **1.2.1.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, phân bổ chi phí sản xuất.**

###### **❖ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:**

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất bao gồm nhiều loại với nội dung kinh tế, công dụng khác nhau, phát sinh ở những địa điểm khác nhau. Mục đích của việc bỏ ra chi phí là tạo ra những sản phẩm, lao vụ. Những sản phẩm, lao vụ của doanh nghiệp được sản xuất, chế tạo, thực hiện ở các phân xưởng, bộ phận khác nhau theo quy trình công nghệ của doanh nghiệp, do đó các chi phí phát sinh vẫn được tập hợp theo yếu tố, khoản mục chi phí theo những phạm vi, giới hạn nhất định để phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là xác định giới hạn về mặt phạm vi mà chi phí cần được tập hợp để phục vụ cho việc kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm. Tùy theo đặc điểm về tổ chức sản xuất, về quy trình sản xuất cũng như đặc điểm sản xuất sản phẩm mà đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là: Loại sản phẩm; nhóm sản phẩm; đơn đặt hàng; giai đoạn sản xuất; phân xưởng sản xuất...

- *Nơi phát sinh chi phí:*

- + Phân xưởng, tổ đội, nhóm sản xuất hoặc toàn doanh nghiệp.

- + Giai đoạn công nghệ.

- *Đối tượng chịu chi phí:*



- + Từng sản phẩm, dịch vụ, từng đơn đặt hàng hoặc từng hạng mục công trình.
- + Nhóm sản phẩm, dịch vụ
- + Chi tiết cho từng bộ phận sản phẩm, dịch vụ.

Tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng đã được quy định là khâu cơ bản đầu tiên trong công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất, góp phần tăng cường quản lý sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản xuất được kịp thời và đúng đắn.

Để xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cần phải căn cứ vào một số đặc điểm chủ yếu sau:

- + Đặc điểm và công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất.
- + Đặc điểm cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- + Quy trình công nghệ sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- + Đặc điểm của sản phẩm.
- + Yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chi phí và yêu cầu hạch toán nội bộ của doanh nghiệp.
- + Yêu cầu tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành.
- + Khả năng, trình độ quản lý và hạch toán.

### **❖ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, phân bổ chi phí sản xuất.**

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất được sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất để tập hợp và phân bổ chi phí cho từng đối tượng kế toán chi phí đã xác định. Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể sử dụng phương pháp tập hợp thích hợp. Thông thường các doanh nghiệp hiện nay sử dụng hai phương pháp tập hợp sau.

#### *- Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp:*

Sử dụng để tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí đã xác định. Theo phương pháp này kế toán có thể quy nạp trực tiếp các chi phí phát sinh vào từng đối tượng chịu chi phí.

Việc sử dụng phương pháp trực tiếp có ưu điểm lớn, nó là cách tập hợp chính xác và hiệu quả nhất, nó có ý nghĩa rất lớn đối với kế toán quản trị của

doanh nghiệp. Thông thường chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được áp dụng phương pháp này.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng áp dụng được phương pháp này vì mất nhiều thời gian và công sức. Trên thực tế có nhiều chi phí liên quan đến nhiều đối tượng mà không thể theo dõi riêng biệt được.

- *Phương pháp tập hợp gián tiếp:*

Phương pháp này được áp dụng khi một loại chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và kế toán không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó, kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức sau:

$$C_i = \frac{C}{T_i} \times t_i$$

Trong đó:  $C_i$ : chi phí sản xuất được phân bổ cho đối tượng  $i$

$t_i$ : tổng tiêu thức phân bổ của đối tượng  $i$ .

$C$ : tổng chi phí đã tập hợp cần phân bổ.

$T_i$ : tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng.

Đại lượng dùng để phân bổ tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể để lựa chọn. Đại lượng dùng để phân bổ phải dễ tính, dễ xác định và phải có tính hợp lý khoa học được đảm bảo độ tin cậy cho thông tin.

Chi phí sản xuất chung thường được áp dụng phương pháp này do khó có thể tập hợp trực tiếp chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng.

### **1.2.1.2 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất ở doanh nghiệp.**

Xét trên góc độ yêu cầu quản lý, phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các chính sách chế độ về quản lý kinh tế tài chính, chế độ kế toán, các doanh nghiệp phải lựa chọn một trong hai phương pháp kế toán tổng hợp là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Hai phương pháp này khác nhau chủ yếu ở việc mở các tài khoản kế toán, ghi chép, phản ánh, tính toán số liệu trên các sổ kế toán liên quan đến chi phí có liên tục hay không.

Tùy theo điều kiện cụ thể và yêu cầu quản lý mà doanh nghiệp lựa chọn phương pháp kế toán tổng hợp nào cho phù hợp.

### **1.2.1.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất đối với những doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên ( KKTX ).**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư hàng hoá trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số liệu hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật tư hàng hoá. Vì vậy, doanh nghiệp luôn quản lý được chi phí sản xuất trong quá trình sản xuất sản phẩm của mình ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Phương pháp KKTX thường được áp dụng cho các đơn vị sản xuất ( công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn ( máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật cao...).

#### **\*) Tài khoản sử dụng**

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp tiến hành kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX, toàn bộ chi phí sản xuất được tập hợp vào tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng tài khoản :

TK 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

TK 627- chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí theo từng khoản mục trước khi kết chuyển sang TK 154. Các tài khoản này không có số dư cuối kỳ và phải mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tùy thuộc vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

- Nội dung và phương pháp hạch toán.

#### **★ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

\*) Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

CP NVLTT bao gồm các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ... sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

CP NVLTT thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp và thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng. CP NVLTT thực tế trong kỳ được xác định căn cứ vào các yếu tố sau:

- Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ trong kỳ. Bộ phận giá trị nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng thường được xác định căn cứ vào các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu trực tiếp cho các đối tượng. Khi phát sinh các khoản chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho, các chứng từ khác có liên quan để xác định giá vốn của số nguyên vật liệu dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm ( theo phương pháp tính giá vốn mà doanh nghiệp đã chọn ).

- Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp còn lại đầu kỳ ở các bộ phận, phân xưởng sản xuất. Đây là giá trị của bộ phận nguyên vật liệu trực tiếp đã xuất kho cho quá trình sản xuất ở kỳ trước nhưng chưa được sử dụng đến được chuyển sang cho quá trình sản xuất ở kỳ này.

- Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp còn lại ở các bộ phận, phân xưởng sản xuất được xác định dựa vào phiếu xuất kho vật liệu không sử dụng hết hoặc phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ ở các bộ phận, phân xưởng hoặc địa điểm sản xuất.

- Trị giá phế liệu thu hồi ( nếu có): Đây là giá trị của phế liệu thu hồi được tại các bộ phận sản xuất trong kỳ, được xác định căn cứ vào số lượng phế liệu thu hồi và đơn giá phế liệu mà doanh nghiệp đã sử dụng trong kỳ hạch toán.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kỳ được xác định theo công thức:

## **Khoá luận tốt nghiệp**

		Trị	giá		Trị	giá		Trị	giá
CP NVLTT	=	NVLtt	tồn	+	NVLtt	xuất	-	NVLtt	phế
trong kỳ		đầu kỳ			dùng	trong		tồn	cuối
					kỳ			kỳ	(nếu có)

*\*) Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.*

Chi phí NVL trực tiếp phát sinh thường tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên, nếu có phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tập hợp trực tiếp được thì kế toán phải tiến hành phân bổ theo các tiêu thức phân bổ hợp lý. Tiêu thức phân bổ có thể sử dụng là chi phí NVL TT theo định mức tiêu hao, chi phí NVL kế hoạch, số lượng sản phẩm....

- Chứng từ kế toán sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Hoá đơn giá trị gia tăng

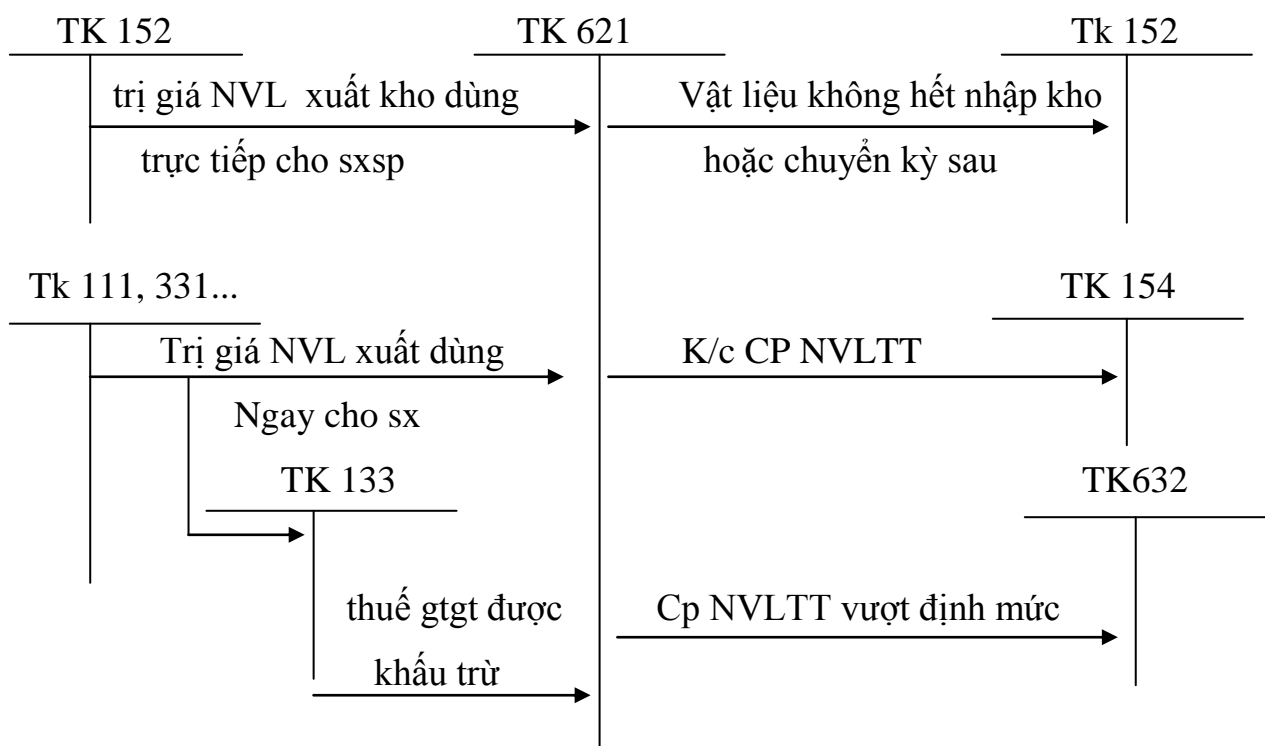
+ Sổ chi tiết nguyên vật liệu

+ Bảng tổng hợp nhập xuất tồn, bảng phân bổ vật tư...

- Phương pháp kế toán:

Kế toán sử dụng TK 621- CP NVLTT, tài khoản này dùng để tập hợp toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất phát sinh trong kỳ. Trình tự kế toán chi phí NVL trực tiếp được thực hiện theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.1 Sơ đồ tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp :**



**★ Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.**

*\*) Nội dung chi phí nhân công trực tiếp:*

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân trực tiếp sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp gồm tất cả các khoản trên liên quan đến sản xuất trong kỳ không phân biệt đã thanh toán cho người lao động chưa.

Chi phí về tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc hình thức tiền lương sản phẩm hay lương thời gian mà doanh nghiệp áp dụng. Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất cũng như các đối tượng lao động khác thể hiện trên bảng tính và thanh toán lương được tổng hợp, phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương. Trên cơ sở đó các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) tính vào chi phí nhân công trực tiếp được tính toán căn cứ vào số tiền lương công nhân sản xuất của từng đối tượng và tỷ lệ trích quy định theo quy chế tài chính hiện hành của từng thời kỳ.

*\*) Phương pháp tập hợp CP NCTT :*

Chi phí nhân công trực phát sinh liên quan đến đối tượng chịu chi phí nào thì tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Tuy nhiên, nếu chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì kế toán sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ hợp lý. Những tiêu thức phân bổ có thể là: số giờ công hoặc ngày công tiêu chuẩn, tiền lương định mức, tiền lương chính...

- Chứng từ kế toán sử dụng:

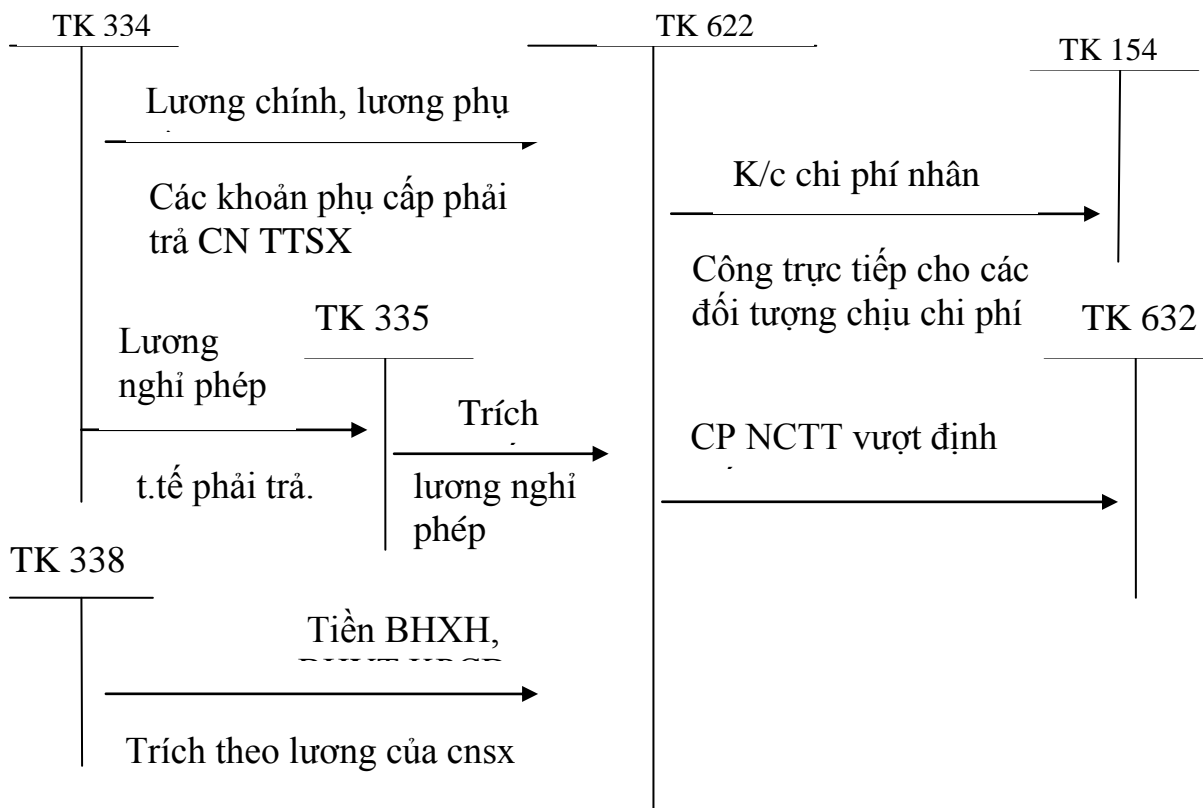
Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp lương toàn doanh nghiệp....

- Phương pháp kế toán:

Để tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622- CP NCTT. Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp mà tài khoản 622 có thể mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh trên sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp:**



★ **Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất có thể xảy ra những khoảng thời gian phải ngừng sản xuất do các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan như: thiết bị sản xuất bị hỏng, thiếu nguyên vật liệu, thiếu năng lượng, trình độ của tay nghề công nhân... thời gian ngừng sản xuất không tạo ra sản phẩm, nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để đảm bảo về tài sản và đời sống công nhân.

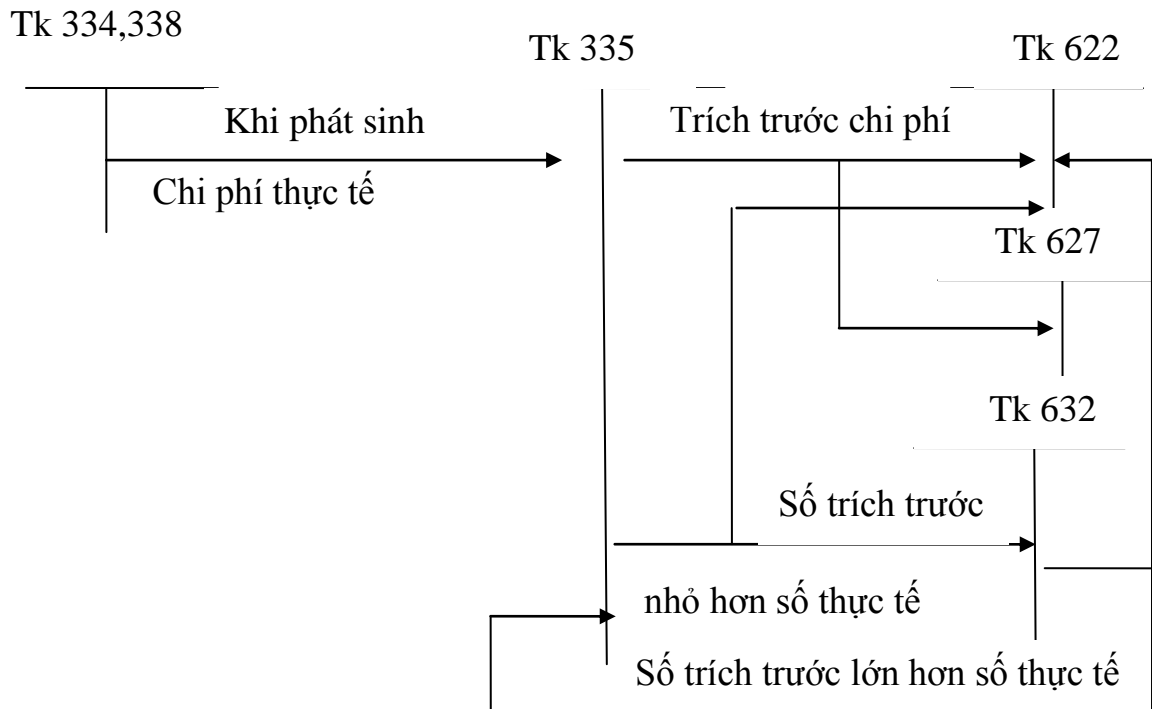
Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính vào giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí thời kỳ cần phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

• *Trường hợp ngừng sản xuất theo kế hoạch:*

Trường hợp này mang tính chất tạm thời và doanh nghiệp có lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất thì kế toán căn cứ vào dự toán để trích trước chi phí vào chi phí sản xuất kinh doanh. Cuối niên độ phải tiến hành điều chỉnh số đã trích theo chi phí thực tế phát sinh. Trình tự hạch toán như sau:



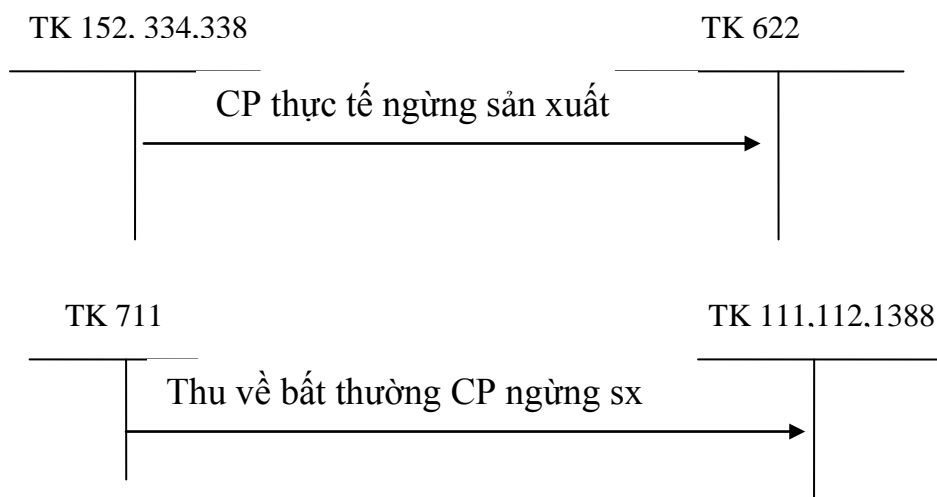
**Sơ đồ 1.3: Hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất trong trường hợp ngừng sản xuất theo kế hoạch:**



- *Trong trường hợp ngừng sản xuất bất thường:*

Trường hợp nằm ngoài dự kiến của doanh nghiệp, có thể nói là doanh nghiệp không lường trước được điều này sẽ xảy ra nên không có trích trước chi phí phí mà cuối kỳ sẽ thu về các khoản chi phí bất thường. Trình tự hạch toán như sau:

**Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất trong trường hợp ngừng sản xuất bất thường:**



Mặt khác tạo ra sản phẩm hỏng là gây ra những tổn thất nhất định đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng không có biện pháp thích hợp kiểm tra chặt chẽ để sản phẩm hỏng đưa ra thì sẽ gây ra một tổn thất lớn lao đối với doanh nghiệp.

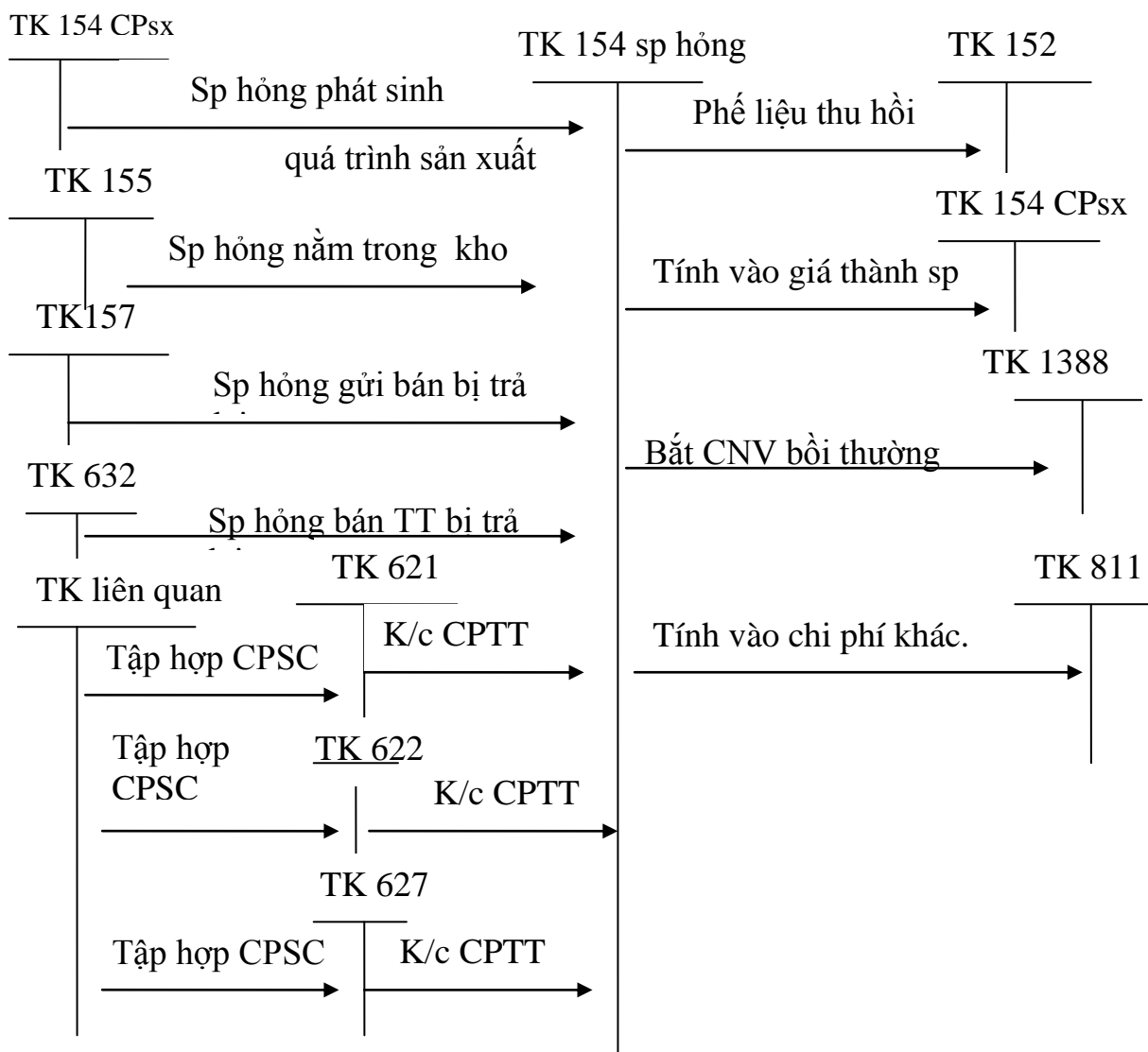
Sản phẩm hỏng sẽ là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong, nhưng có những sản phẩm đặc điểm sai phạm về mục đích, tiêu chuẩn kỹ thuật, về mẫu mã hoặc quy cách sản phẩm.

Khi nói đến sản phẩm hỏng có hai trường hợp: sản phẩm hỏng trong định mức cho phép và sản phẩm hỏng ngoài định mức (hoặc vượt định mức quy định).

Sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất được coi là hỏng định mức. Đây được coi là những sản phẩm không tránh khỏi trong quá trình sản xuất nên phân chi phí cho những sản phẩm hỏng này (Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được và chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được) được coi là chi phí sản xuất chính phẩm và được tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành. Sở dĩ phần lớn các doanh nghiệp chấp nhận một tỷ lệ sản phẩm hỏng bởi họ không muốn tốn thêm chi phí để hạn chế hoàn toàn sản phẩm hỏng, do việc bỏ thêm chi phí này tốn kém nhiều hơn việc chấp nhận một tỷ lệ thừa về sản phẩm hỏng.

Sản phẩm hỏng ngoài định mức là những sản phẩm nằm ngoài dự kiến của nhà sản xuất, do những nguyên nhân bất thường gây ra như: Máy móc hỏng, hỏa hoạn bất chợt... Do đó không được chấp nhận nên thời gian của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm, mà được xem là khoản phí tổn trong kỳ cần xử lý ngay. Sản phẩm hỏng ngoài định mức bao gồm: sản phẩm đang sản xuất, sản phẩm vừa hoàn thành, sản phẩm phát hiện ở trong kho, sản phẩm đang gửi bán, hoặc đã bán nhưng bị khách hàng trả lại, sản phẩm hỏng này có thể sửa chữa được hoặc không sửa chữa được.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất trong trường hợp sản phẩm hỏng sửa chữa được hoặc không sửa chữa được:**



★ **Kế toán chi phí sản xuất chung.**

\*) *Nội dung chi phí sản xuất chung:*

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm:

- Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính cho nhân viên phân xưởng như: quản đốc phân xưởng, nhân viên kinh tế, thống kê, thủ kho phân xưởng, nhân viên tiếp phế liệu, vận chuyển nội bộ...

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Chi phí vật liệu: phản ánh chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng, như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuộc phân xưởng quản lý, sử dụng, vật liệu dùng cho nhu cầu văn phòng phân xưởng...

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng sản xuất như khuôn mẫu đúc, dụng cụ cầm tay...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất như khấu hao của máy móc thiết bị, khấu hao của nhà xưởng, phương tiện vận tải...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh chi phí của dịch vụ mua ngoài để phục vụ cho các hoạt động của phân xưởng như chi phí sửa chữa TSCĐ, chi phí điện nước, điện thoại...

- Chi phí khác bằng tiền : phản ánh những chi phí bằng tiền ngoài những khoản chi phí kể trên, phục vụ chi hoạt động của phân xưởng như chi phí tiếp khách, hội nghị... ở phân xưởng.

*\*) Phương pháp tập hợp:*

Chi phí SXC được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí. Một doanh nghiệp có nhiều phân xưởng sản xuất phải mở sổ chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng. Chi phí SXC của phân xưởng nào được kết chuyển vào sản phẩm, công việc của phân xưởng đó. Tuy nhiên, nếu phân xưởng có nhiều loại sản phẩm thì phải tiến hành phân bổ chi phí SXC cho các sản phẩm, công việc có liên quan theo 1 tiêu thức phân bổ hợp lý ( chi phí NVL TT, CP NCTT, chi phí SXC định mức...).

- Chứng từ kế toán sử dụng:

+ Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương phản ánh chi phí nhân công thuộc chi phí SXC

+Bảng phân bổ nguyên vật liệu, phân bổ công cụ dụng cụ

+Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

+Chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho SXC...

- Phương pháp kế toán:

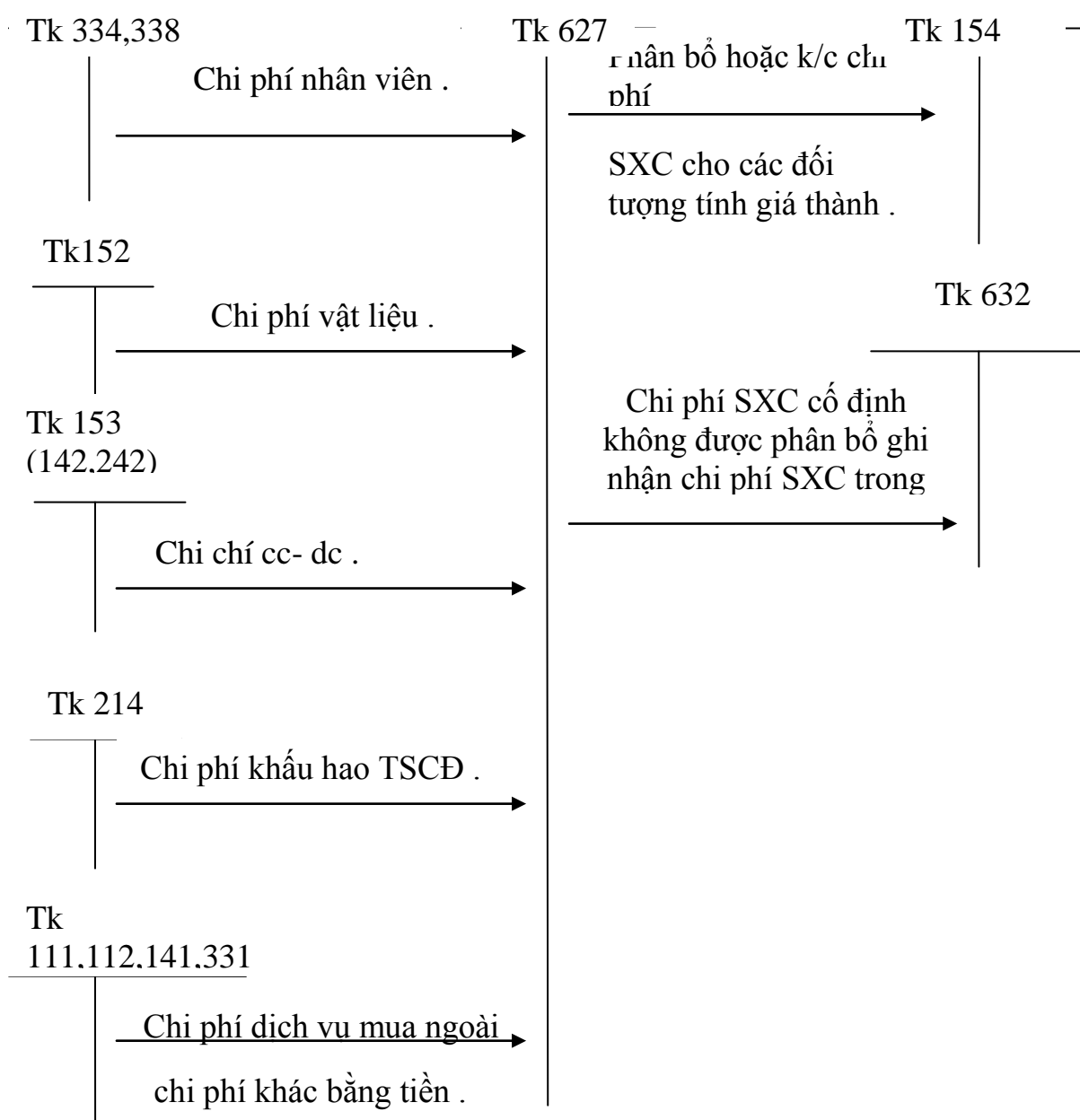
## Khoá luận tốt nghiệp

Kế toán sử dụng TK 627- Chi phí sản xuất chung và các tài khoản cấp 2 của TK 627 để tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung.

- TK 6271 - Chi phí nhân viên
- TK 6272 - Chi phí vật liệu
- TK 6273 - Chi phí dụng cụ lao động
- TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278 - Chi phí bằng tiền khác

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung được thực hiện theo sơ đồ sau:

### Sơ đồ 1.6: Sơ đồ tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung:



★ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp:**

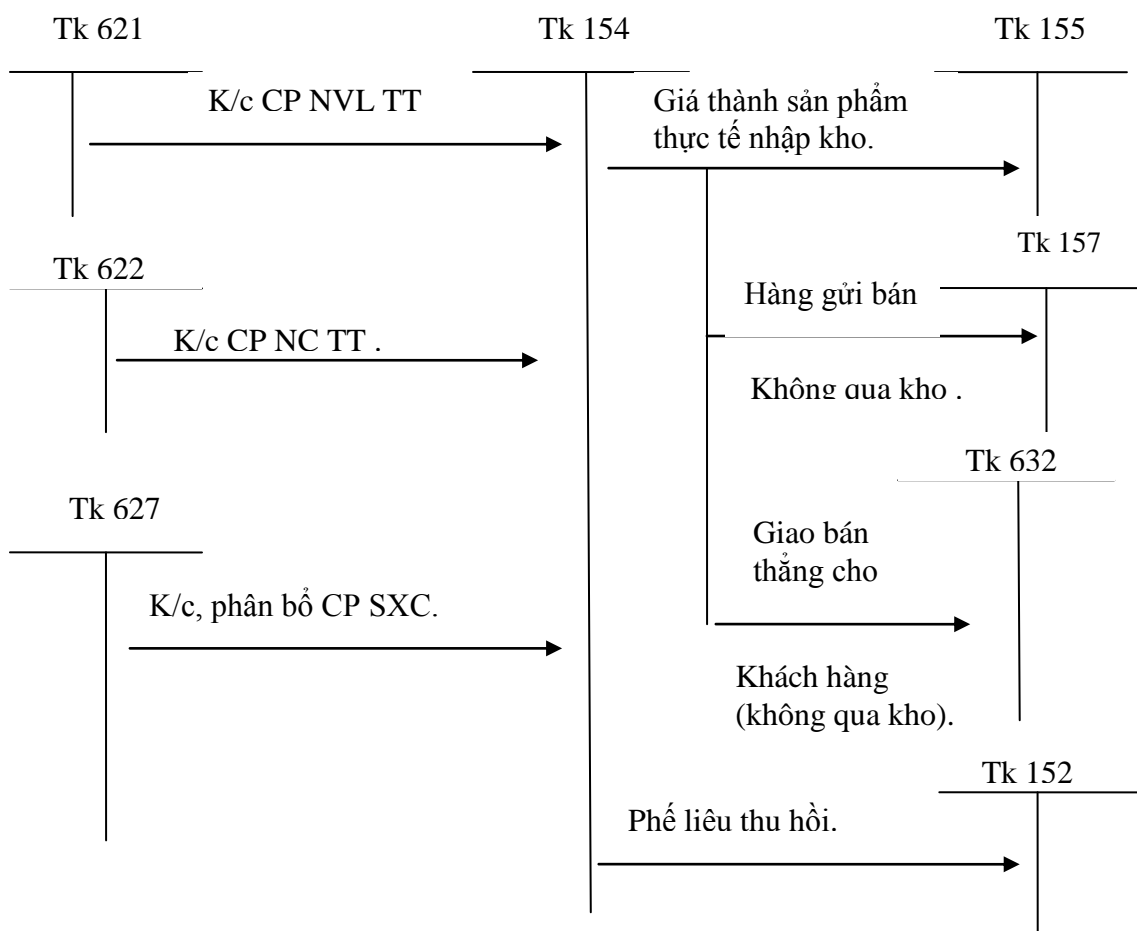
Các chi phí sản xuất sau khi đã tập hợp riêng từng khoản mục được kết chuyển để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp. Tùy thuộc vào phương pháp kế toán hàng tồn kho doanh nghiệp áp dụng mà kế toán sử dụng tài khoản phù hợp để tập hợp chi phí sản xuất.

**\*) Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX sử dụng TK154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Cuối kỳ các chi phí sản xuất được tập hợp vào TK 621, 622, 627 sẽ được kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ. Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Trình tự hạch toán tập hợp chi phí sản xuất theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.7: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp KCTX:**



**1.2.1.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất đối với những doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị của vật tư hàng hoá tồn kho cuối kỳ trên số kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ}$$

Phương pháp KKĐK thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư với quy cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hoá, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên( cửa hàng, bán lẻ...).

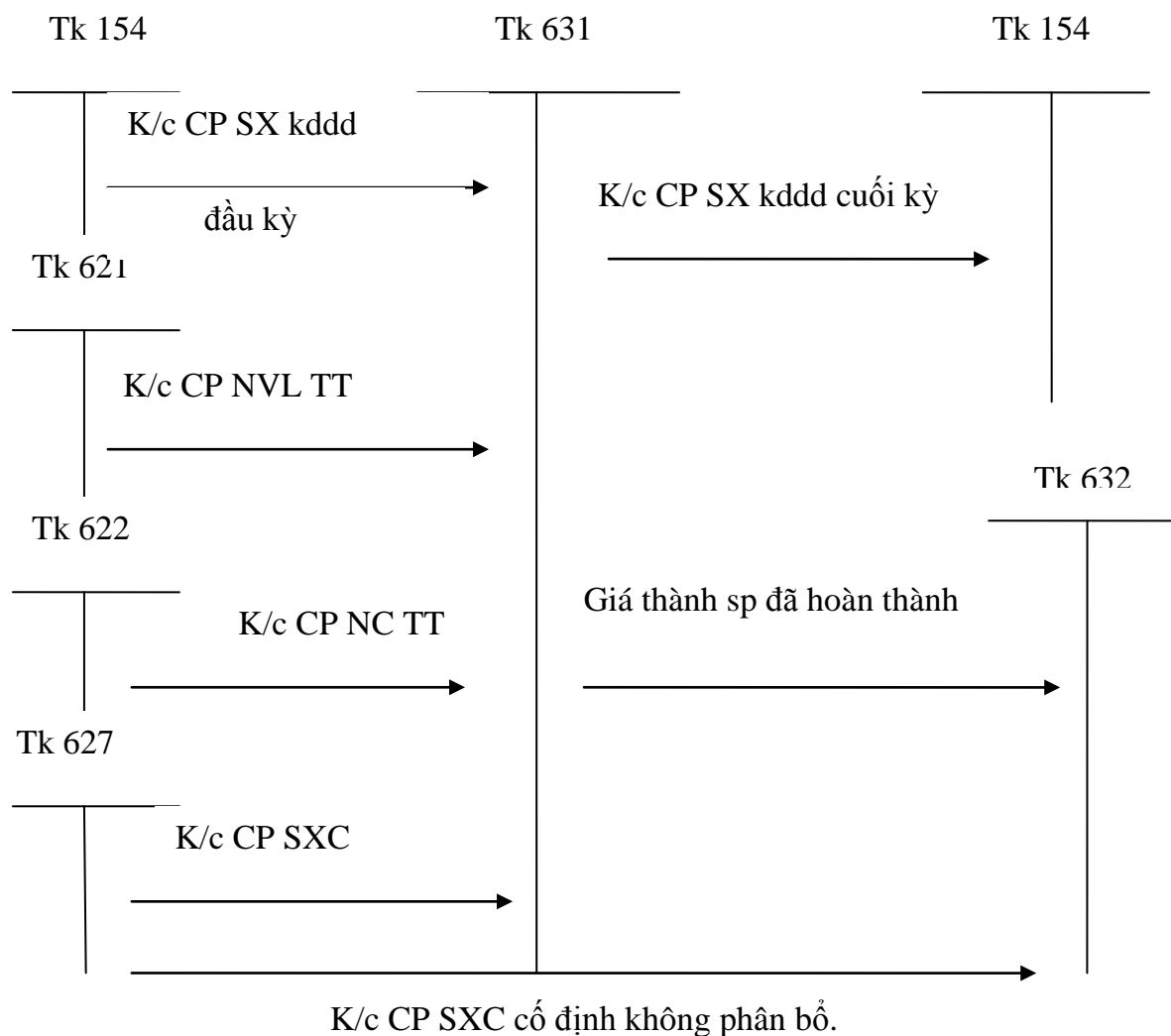
## Khoá luận tốt nghiệp

Cũng tương tự phương pháp KKTX, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản 621, 622, 627.

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK, tài khoản 154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên tài khoản 631- giá thành sản xuất. Tài khoản 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí( phân xưởng, tổ, đội sản xuất) và cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí( phân xưởng, tổ, đội sản xuất) và theo loại, nhóm sản phẩm.

Trình tự hạch toán theo phương pháp KKĐK như sơ đồ sau:

### Sơ đồ 1.8: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn DN theo phương pháp KKĐK.





### **1.2.1.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.**

Sản phẩm dở dang trong các doanh nghiệp sản xuất là khối lượng sản phẩm đang trong quá trình sản xuất chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình cơ bản nhưng phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là việc tính toán, xác định phần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải gánh chịu. Việc tính toán, xác định phần chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang một cách chính xác là cực kỳ khó khăn và mang tính chủ quan, phụ thuộc vào việc kiểm kê, đánh giá mức độ hoàn thành của sản phẩm làm dở cũng như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà doanh nghiệp lựa chọn.

Đánh giá sản phẩm dở dang một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp, đặc biệt là đối với công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, tính chất cấu thành chi phí sản xuất, trình độ quản lý của từng doanh nghiệp để vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp.

Sau đây là 3 phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thường áp dụng:

#### **1.2.1.3.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp quy trình công nghệ chế biến liên tục, CP NVLTT ( hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ) tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ ít và không biến động nhiều so với đầu kỳ.

- Nội dung: Theo phương pháp này kế toán chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm CP NVL chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Công thức tính:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_{NVL}}{Q_{HT} + Q_{DCK}} \times Q_{DCK}$$

Trong đó:  $D_{ĐK}$ ,  $D_{CK}$ : chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

$C_{NVL}$ : chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ.

$Q_{ht}$ : số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

$Q_{DCK}$ : số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, dễ tính toán, xác định chi phí dở dang cuối kỳ được kịp thời, phục vụ cho việc tính giá thành được nhanh chóng.

- Nhược điểm: kết quả đánh giá sản phẩm dở mức độ chính xác thấp do không tính chi phí chế biến cho sản phẩm dở do đó tính giá thành sản phẩm kém chính xác.

### **1.2.1.3.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.**

- Điều kiện áp dụng: áp dụng phù hợp đối với các doanh nghiệp có khối lượng sản phẩm dở lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều và biến động lớn so với đầu kỳ.

- Nội dung: Để đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp này, trước hết kế toán phải căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến của chúng để tính đổi sản phẩm dở dang ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương. Sau đó, xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo nguyên tắc.

+ Đối với những chi phí sản xuất bỏ một lần ngay từ đầu quy trình công nghệ như: chi phí NVL trực tiếp hay chi phí NVL chính trực tiếp thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

Công thức tính:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_{NVL}}{Q_{HT} + Q_{DCK}} \times Q_{DCK}$$

+ Đối với chi phí sản xuất bỏ dần trong quá trình sản xuất như: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí SXC thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C}{Q_{HT} + Q_{td}} \times Q_{td}$$

Trong đó:

C: được tính theo khoản mục chi phí phát sinh tương đương.

$Q_{td}$  khối lượng sản phẩm dở dang đã được quy đổi ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương theo tỷ lệ chế biến hoàn thành(h%).

$$Q_{td} = Q_d \times h\%.$$

- Ưu điểm: phương pháp này cho kết quả có độ chính xác cao và khoa học hơn phương pháp đánh giá sản phẩm dở theo chi phí NVL trực tiếp vì được tính toán đầy đủ các khoản mục chi phí.

- Nhược điểm: tính toán phức tạp, công việc tính toán nhiều.

### **1.2.1.3.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.**

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức.

- Nội dung: Với phương pháp này, việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng sản phẩm dở dang đã kiểm kê ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất tương ứng cho từng đơn vị sản phẩm, từ đó tính ra chi phí sản xuất sản phẩm dở dang trong kỳ theo định mức:

Công thức tính:

$$D_{cki} = Q_{di} + Đ_{mi}$$

Trong đó:  $D_{cki}$  : Chi phí dở dang cuối kỳ sản phẩm i

$Q_{di}$ : Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ của sản phẩm i

$Đ_{mi}$ : Chi phí định mức của sản phẩm i

- Ưu điểm: tính toán nhanh nhờ có các bảng tính sẵn.

- Nhược điểm: độ chính xác không cao vì chi phí thực tế phát sinh không đúng với chi phí định mức.

## **1.2.2- Kế toán tính giá thành sản phẩm.**

### **1.2.2.1 Đối tượng tính giá thành.**

Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Tuỳ theo đặc điểm sản xuất sản phẩm mà đối tượng tính giá có thể là: chi tiết sản phẩm, đơn đặt hàng, bán thành phẩm, hạng mục công trình...

### 1.2.2.2 Kỳ tính giá thành.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hoặc dài hơn phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất.

### 1.2.2.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm.

#### 1.2.2.3.1 Phương pháp tính giá thành trực tiếp.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với nhau. Ngoài ra phương pháp này còn được áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất với khối lượng lớn và ít loại sản phẩm hoặc để tính toán giá thành của những công việc, kết quả trong từng giai đoạn sản xuất nhất định.

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phân xưởng.
- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm.

- Nội dung: Căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ của đối tượng tập hợp chi phí, giá thành sản phẩm làm dở đầu kỳ và cuối kỳ để tính tổng giá thành của loại sản phẩm hoàn thành theo công thức:

Công thức tính:

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.
---	---	---------------------------------	---	-------------------------------------	---	-----------------------------------

$$z = \frac{Z}{Q_{ht}}$$

Trong đó: z: Giá thành đơn vị sản phẩm

Z: Tổng giá thành sản phẩm thực tế trong kỳ

Q<sub>ht</sub>: Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

### **1.2.2.3.2 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ.**

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp thường áp dụng ở những doanh nghiệp mà trong cùng một phân xưởng hay cùng một quy trình công nghệ vừa thu được sản phẩm chính, vừa thu được sản phẩm phụ.

Công thức:

$$\begin{array}{cccccc} \text{Tổng Z} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Phế liệu} \\ \text{spht} & & \text{dở dang} & & \text{phát sinh} & & \text{dở dang} & & \text{phẩm phụ} & & \text{thu hồi} \\ \text{trong} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} & - & \text{thu được} & - & \text{(nếu có)} \\ \text{kỳ} & & & & & & & & & & \end{array}$$

Giá trị sản phẩm phụ thu được ước tính căn cứ vào:

- Giá thành kế hoạch
- Giá bán
- Giá bán trừ lợi nhuận định mức

### **1.2.2.3.3 Phương pháp hệ số.**

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc một loại sản phẩm với nhiều phẩm cấp khác nhau trên cùng một dây truyền sản xuất. Trên dây truyền sản xuất này các chi phí sản xuất không thể tập hợp riêng được theo từng đối tượng tính giá thành (loại sản phẩm hoặc từng phẩm cấp sản phẩm). Các doanh nghiệp sành sứ, thủy tinh sản xuất dầy, dếp, may mặc...thường áp dụng phương pháp tính giá thành này.

- Đối tượng tập hợp chi phí là phân xưởng
- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính hoàn thành.

Trong trường hợp tính giá thành theo phương pháp hệ số, kế toán phải tiến hành thực hiện các bước sau:

Bước 1: Tính số lượng sản phẩm chuẩn hoàn thành

Bước 2: Tính số lượng sản phẩm chuẩn dở dang

Bước 3: Tính tổng giá thành sản phẩm chính.

## Khoá luận tốt nghiệp

Tổng Z      CPSX      CPSX      CPSX      Giá trị sản      Phế liệu  
 spht      dở dang      phát sinh      dở dang      phẩm phụ      thu hồi  
 trong      =      đầu kỳ      +      trong kỳ      -      cuối kỳ      -      thu được      -      (nếu có)  
 kỳ

Bước 4: Tính giá thành đơn vị chuẩn

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành

$$Z_{\text{đơn vị sản phẩm chuẩn}} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm chuẩn hoàn thành}}$$

Bước 5: Tính giá thành từng sản phẩm

Z spht thứ i      Số lượng  
 hoàn thành =      z đơn vị sp x      sản phẩm x      Hệ số sp  
 trong kỳ      chuẩn      thứ i      thứ i

Bước 6: Tính giá thành đơn vị từng sản phẩm.

### 1.2.2.3.4 Phương pháp tỷ lệ.

-Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một phân xưởng hay trên cùng một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm chính có quy cách khác nhau. Tiêu thức được chọn trong phương pháp tỷ lệ có thể theo giá bán, giá thành kế hoạch, chi phí định mức.

- Nội dung: Thực hiện tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ kế toán cần tiến hành các bước sau:

Bước 1: Tính tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm.

Bước 2: Tính tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm.

Bước 3: Tính tỷ lệ giá thành cho nhóm sản phẩm.

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ phân bổ} &= \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm}} \\ \text{giá thành} & \\ \text{cho từng loại sp} & \end{aligned}$$

Bước 4: Tính tổng giá thành thực tế của sản phẩm quy cách i

Bước 5: Tính giá thành đơn vị sản phẩm i

### **1.2.2.3.5 Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:**

Theo phương pháp này thì đối tượng tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng và cũng là đối tượng tính giá thành.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành hay giao hàng cho khách hàng.

Những đơn đặt hàng chưa hoàn thành vào thời điểm cuối kỳ thì toàn bộ các chi phí sản xuất đã tập hợp theo đơn đặt hàng đó được coi là giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau.

Đặc trưng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo đơn đặt hàng là các chi phí (NVLTT, CPNCTT, CPSXC) được cộng dồn và tích lũy theo đơn đặt hàng giúp nhà quản trị biết được giá thành từng đơn đặt so với giá thành kế hoạch nhằm kiểm soát kịp thời chi phí và điều chỉnh, xử lý kịp thời quá trình chi phí của doanh nghiệp.

- Chi phí NVLTT, chi phí NCTT thường là đối tượng trực tiếp liên quan đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nên được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng. Trường hợp một phân xưởng lại sản xuất nhiều đơn đặt hàng thì các chi phí này trước hết được tập hợp cho từng phân xưởng, trong mỗi phân xưởng sẽ chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

- Chi phí sản xuất chung:

+ Trong trường hợp mỗi phân xưởng chỉ tiến hành sản xuất một đơn đặt hàng, chi phí sản xuất chung cũng được tập hợp trực tiếp theo từng đơn đặt hàng.

+ Trường hợp một phân xưởng sản xuất nhiều đơn đặt hàng thì chi phí sản xuất chung sẽ được tập hợp riêng, sau đó tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp.

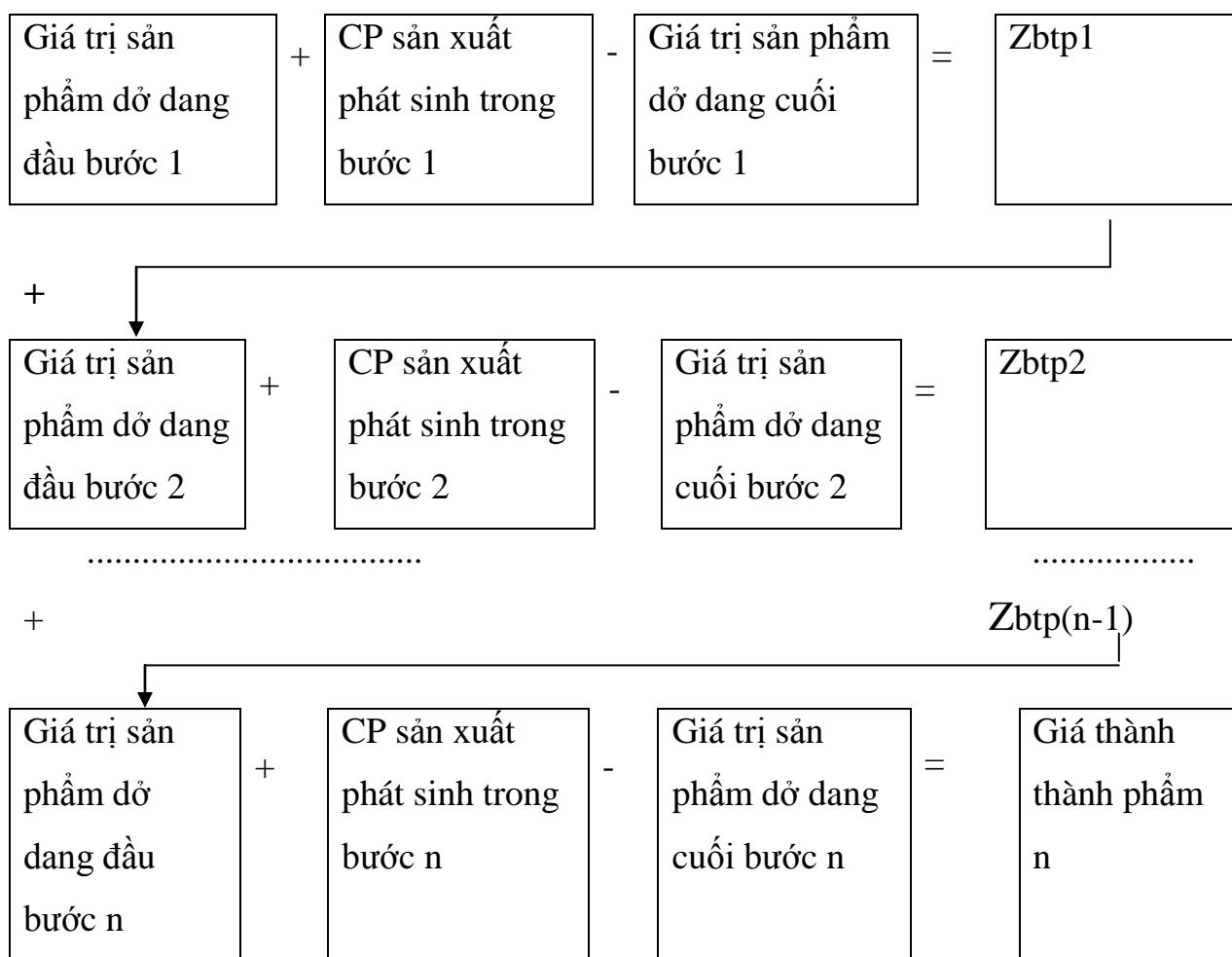
### **1.2.2.3.6 Phương pháp tính giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp.**

Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, kế toán thường sử dụng một trong số 2 phương pháp tính giá thành chủ yếu sau:

**\*) Tính giá thành theo phương pháp kết chuyển tuần tự từng khoản mục (áp dụng cho doanh nghiệp tính giá thành bán thành phẩm)**

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp xác định đối tượng tính giá thành là nửa thành phẩm và thành phẩm. Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng giai đoạn, lần lượt tính tổng giá thành và giá thành đơn vị nửa thành phẩm từng giai đoạn kế tiếp, cứ tiếp tục đến khi tính tổng giá thành và giá thành đơn vị thành phẩm.

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kết chuyển chi phí sản xuất tuần tự để tính giá thành:**



Công thức tính giá thành:

Tổng giá thành:

Giai đoạn 1:  $Z_1 = D_{đk1} + C_1 - D_{ck1}$

Giai đoạn 2:  $Z_2 = Z_1 + D_{đk2} + C_2 - D_{ck2}$

Giai đoạn n:  $Z_{tp} = Z_{n-1} + D_{đkn} + C_n - D_{ckn-1}$



$$Z_{tp}$$

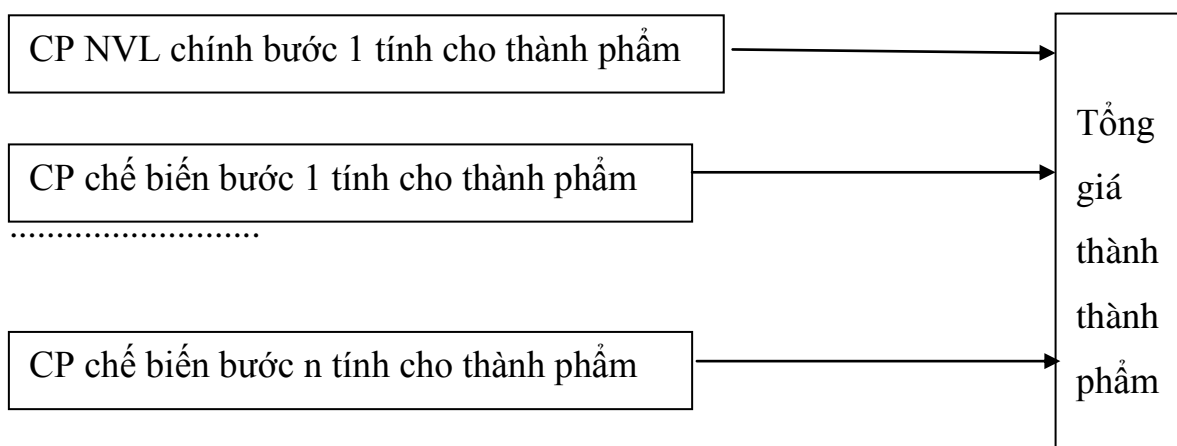
Giá thành đơn vị:  $z_{đv\ i} = \frac{\quad}{\quad}$

$$Q_{tp}$$

**\*) Tính giá thành theo phương pháp kết chuyển song song.**

Thường áp dụng trong những doanh nghiệp mà yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ không cao hoặc bán thành phẩm chế biến ở từng bước không bán ra ngoài, thì chi phí chế biến phát sinh trong các giai đoạn công nghệ tính nhập vào giá thành của thành phẩm một cách đồng thời, song song nên còn gọi là kết chuyển song song. Theo phương án này kế toán không cần tính giá thành bán thành phẩm hoàn thành trong từng giai đoạn mà chỉ tính giá thành thành phẩm hoàn thành bằng cách tổng hợp CP NVL chính và các chi phí chế biến khác trong các giai đoạn công nghệ.

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kết chuyển chi phí song song**



**1.3- Các hình thức kế toán áp dụng .**

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung
- + Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình doanh nghiệp và quy mô, yêu cầu quản lý và trình độ cán bộ kế toán mà doanh nghiệp lựa chọn

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

cho cty một hình thức tổ chức sổ kế toán phù hợp. Cụ thể hình thức kế toán tại công ty là hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đối với hình thức kế toán Nhật ký chung, các nghiệp vụ kế toán liên quan đến chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được phản ánh vào sổ cái TK 621, Tk622, TK 627, TK154..., số liệu chi tiết về chi phí sản xuất có thể được phản ánh trên các sổ chi tiết.

## **CHƯƠNG II**

### **CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH**

#### **GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KINH**

#### **DOANH TỔNG HỢP HUNG LỢI**

#### **2.1 Vài nét khái quát chung về Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

##### **2.1.1 Tổng quan về công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi

Tên giao dịch tiếng anh : Hưng lợi forsynthesis company limited

Tên viết tắt : HUNG LỢI CO.,LTD

Địa chỉ : La Mát- thị trấn Kiện Khê- Thanh Liêm- Hà Nam

ĐT : 03513 506 304

Fax : 84- 351- 880- 308

##### **2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi có trụ sở chính nằm trên địa bàn La Mát- Thị trấn Kiện Khê- huyện Thanh Liêm- Tỉnh Hà Nam. Địa hình của huyện Thanh Liêm có con sông đày chạy theo hướng Bắc Nam dọc theo dãy núi đá vôi nên việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm khai thác của công ty có thể vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ rất thuận lợi. Với thế mạnh về địa lý và khả năng của mình công ty không ngừng vươn lên đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trước cánh cửa hội nhập, nền kinh tế đất nước đang trên đà tăng trưởng mạnh, việc giao thương hàng hoá giữa các quốc gia diễn ra một cách tích cực. Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi với mong muốn mở rộng phạm vi kinh doanh và đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu vận tải và đa dạng hoá các sản phẩm nhằm phục vụ thị hiếu của khách hàng, góp phần tăng trưởng nền kinh tế.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Công ty bán vôi cho nhân dân trong và ngoài tỉnh mang về xây dựng, san lấp, sản xuất vôi. Cung cấp nhu cầu đá xây dựng cho các công trình, cung cấp cho đơn vị sản xuất vôi Thống Nhất ở thị trấn Kiện Khê. Công ty đã từng được nhà nước cấp giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn cấp I quốc gia, sản phẩm bột nhẹ của đơn vị đạt huy chương vàng hội trợ triển lãm hàng công nghiệp... Nhiều khách hàng đã đến đơn vị kí kết hợp đồng làm ăn lâu dài như công ty xây dựng Đông Anh Hà nội, công ty giấy Bãi bằng, công ty hoá chất Hương Quỳnh, Cty Cổ Ph khoáng sản Hà Nam và nhiều khách hàng khác.

Bất cứ một doanh nghiệp nào mới thành lập cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động của mình. Từ việc tìm đối tác kinh doanh, nắm bắt thị trường, kinh nghiệm quản lý và xu thế của nền kinh tế trong xây dựng cơ bản, vừa phải ổn định sản xuất vừa phải chống lại sự cạnh tranh của nhiều bạn hàng trên thị trường..Là một doanh nghiệp trẻ trong kinh doanh, Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi cũng không tránh khỏi những khó khăn đó. Hiện nay, Công ty vẫn đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản nên một số bến bãi và kho chứa hàng chưa hoàn chỉnh và chưa đưa vào hoạt động được. Do đó, công ty chưa thể khai thác được 100% lợi thế về kho bãi. Công ty đã không ngừng cố gắng trong suốt 3 năm qua, công ty mở rộng đầu tư chiều sâu cả về số lượng lẫn chất lượng. Công ty đã đầu tư nhiều thiết bị chuyên dụng hiện đại có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ và thi công công trình. Từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường.

Nắm lấy những điều kiện thuận lợi về địa lý là: có con sông chảy theo hướng Bắc Nam dọc theo dãy núi đá vôi nên việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm khai thác của công ty có thể vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ rất thuận lợi. Trong những năm qua công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, phát triển công ty, xây dựng uy tín trên thị trường. Với tinh thần đoàn kết không ngại khó khăn ban lãnh đạo của công ty đã lựa chọn hướng đi đúng đắn: tập trung mua sắm tài sản cố định, cải tiến phương thức sản xuất, đầu tư trang bị lại cơ sở vật chất kỹ thuật, tu bổ đường xá, kho, xưởng bến bãi đưa công ty dần ổn định sản xuất. Sản xuất của doanh nghiệp đã đạt được

## **Khoá luận tốt nghiệp**

hiều thành công. Công ty bán vôi cho nhân dân trong và ngoài tỉnh mang về xây dựng, san lấp, sản xuất vôi.

### **2.1.3- Phương hướng sản xuất kinh doanh chính.**

Công ty chuyên sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm chính sau: đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ (CaCO<sub>3</sub>).

**Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong một số năm gần đây:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2008</b>
Vốn điều lệ	đồng	4.056.000.000	5.050.000.000
Dthu bán hàng	đồng	9.520.000.000	11.200.000.000
Tổng LNTT	đồng	666.670.300	902.756.000
Nộp ngân sách NN	đồng	210.000.000	350.000.000
Thu nhập bình quân người lao động	đồng/ tháng	1.350.000	1.550.000

**2.1.4- Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

**2.1.4.1 Chức năng nhiệm vụ của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Công ty huy động, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm như: đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ .

Tận dụng năng lực thiết bị hiện có, ứng dụng khoa học công nghệ mới, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tổ chức, quản lý, cải tiến thiết bị, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, động lực. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên lao động, không ngừng nâng cao tay nghề bậc thợ, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và mở rộng sản xuất.

Hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện theo hành lang của Pháp luật quy định, đấu tranh chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí và vi phạm pháp luật.

◆ Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh :

Hệ thống sản xuất kinh doanh của công ty được bố trí theo các phân xưởng, tạo điều kiện chuyên môn hoá người lao động, nâng cao năng suất lao động. Việc mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất do phòng cung ứng vật tư đảm nhiệm, vật tư mua sắm có thể nhập kho hoặc cho sản xuất ngay. Quá trình sản xuất được thực hiện tại các phân xưởng sản xuất đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của phòng kỹ thuật và bộ phận kiểm tra giám sát sản xuất. Những sản phẩm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép được nhập kho, hoặc xuất bán ngay. Công tác tiêu thụ sản phẩm do phòng tiêu thụ đảm nhiệm.

◆ Đặc điểm tổ chức sản xuất:

Cơ cấu tổ chức sản xuất của công ty được bố trí theo các phân xưởng sản xuất, mà các phân xưởng này lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đặt dưới sự kiểm soát của ban lãnh đạo công ty.

- Phân xưởng khai thác đá: Được bố trí đặt địa điểm đặt sát lõi đá của đơn vị đây là phân xưởng khai thác nguyên liệu, thành phẩm đầu tiên của công ty.

- Phân xưởng sản xuất vôi: Phân xưởng này có nhiệm vụ sản xuất vôi theo kế hoạch của công ty. Nguyên liệu chính là đá vôi chuyên từ phân xưởng khai thác đá sang, than chất lượng cao.

- Phân xưởng sản xuất Bột nhẹ ( $\text{CaCO}_3$ ): Đây là phân xưởng sản xuất sản phẩm có nhiều công đoạn phức tạp, đòi hỏi lao động phải có tay nghề cao đảm nhiệm. Sản phẩm sản xuất ra được đóng gói, sau đó đóng gói theo quy định, thường mỗi bao có trọng lượng là 25 Kg hoặc 50 Kg.

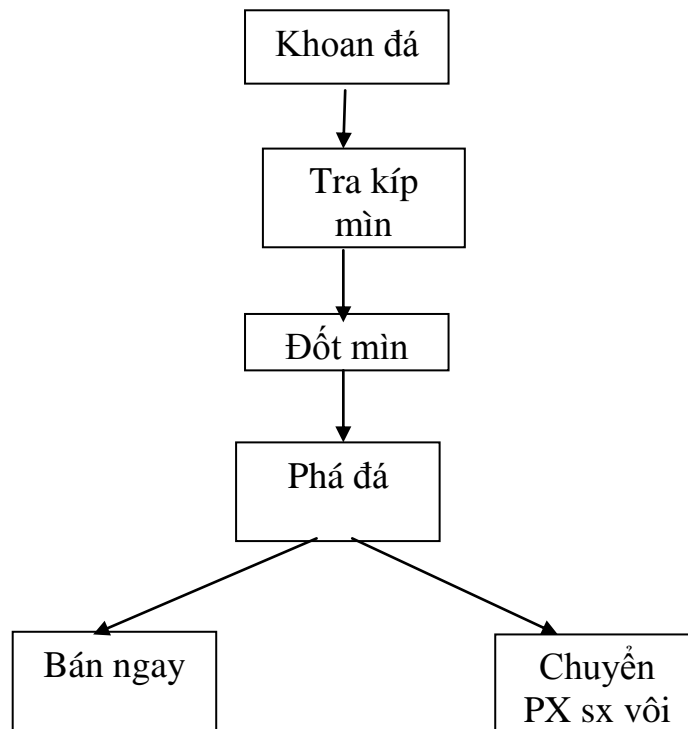
### **2.1.4.2 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị:**

Các sản phẩm: đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ được sản xuất theo quy trình công nghệ riêng lẻ, loại hình sản xuất đơn chiếc và được phân chia thành các phân xưởng.

\* **Khai thác đá:** Làm bằng thủ công là chính, người lao động dùng máy khoan để khoan vào vách núi đá với vị trí mũi khoan thích hợp để hạn chế ít nhất vật liệu nổ mà có thể khai thác được nhiều mét khối đá, đảm bảo an toàn về

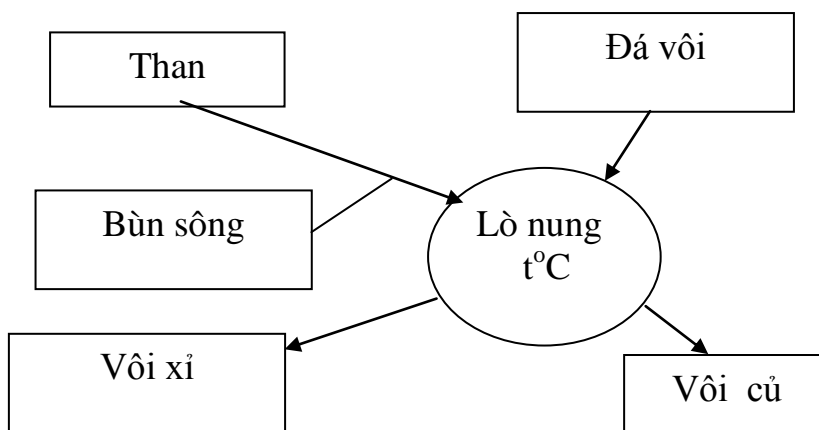
người và tài sản. Đá được đánh rời khỏi núi được máy xúc xúc lên các phương tiện chuyên chở như ô tô, công nông mang bán hoặc đưa vào phân xưởng sản xuất để làm nguyên liệu cho sản xuất vôi.

**Sơ đồ 01**



\* **Sản xuất vôi:** Đá vôi được chọn lọc sơ chế với kích thước vừa phải sau đó được đưa vào lò nung. Đá được nung lên sẽ trở thành vôi củ.

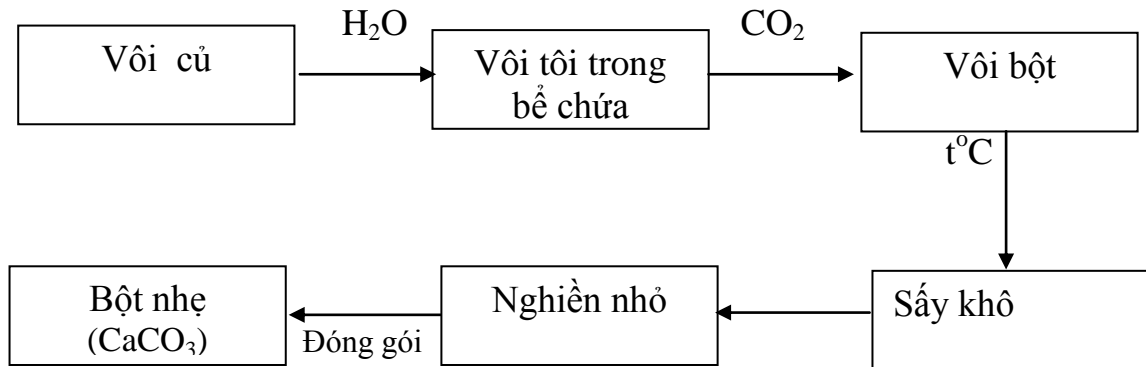
**Sơ đồ sản xuất 02**



**\* Quy trình sản xuất bột nhẹ (  $\text{CaCO}_3$  )**

Vôi củ được chọn lọc kỹ đưa vào tôi với nước. Vôi nở hết sẽ được sấy khô sau đó cho vào máy ép khô, cho vào máy nghiền nhỏ và đóng gói.

**Sơ đồ sản xuất:03**



**2.1.4.3 Đặc điểm về sản phẩm, quy trình công nghệ ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

+ *Về mặt tổ chức sản xuất:* Với đặc thù là một đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản, nên các phân xưởng sản xuất không tập trung mà phân tán thành nhiều nơi ở cách xa nhau. Chính vì thế mà việc tập hợp chi phí sản xuất, xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành là một việc làm hết sức cần thiết trong công tác kế toán tại đơn vị. Căn cứ vào đặc điểm tổ chức của đơn vị công tác kế toán được tính toán tập hợp tại phòng kế toán của công ty, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là các sản phẩm tại từng phân xưởng.

+ *Về sản phẩm sản xuất:* Doanh nghiệp chỉ sản xuất 3 loại sản phẩm chủ yếu là đá xây dựng, Vôi củ, Bột nhẹ. Trong thời đại ngày nay việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra rất quyết liệt trên thị trường, bởi vậy các doanh nghiệp phải làm tốt công tác tập hợp chi phí sản xuất, xác định chính xác giá thành sản phẩm để có những phương hướng trong sản xuất kinh doanh.

+ *Về quy trình công nghệ:* Quy trình công nghệ của doanh nghiệp tương đối phức tạp. Sản phẩm của phân xưởng này lại là nguyên liệu của phân xưởng kia. Ví dụ như đá khai thác ra có thể bán ngay ra thị trường hoặc chuyển sang phân xưởng sản xuất vôi làm nguyên liệu, sản phẩm vôi củ của đơn vị có thể bán ngay hoặc chuyển sang phân xưởng bột nhẹ để sản xuất chế biến tiếp.

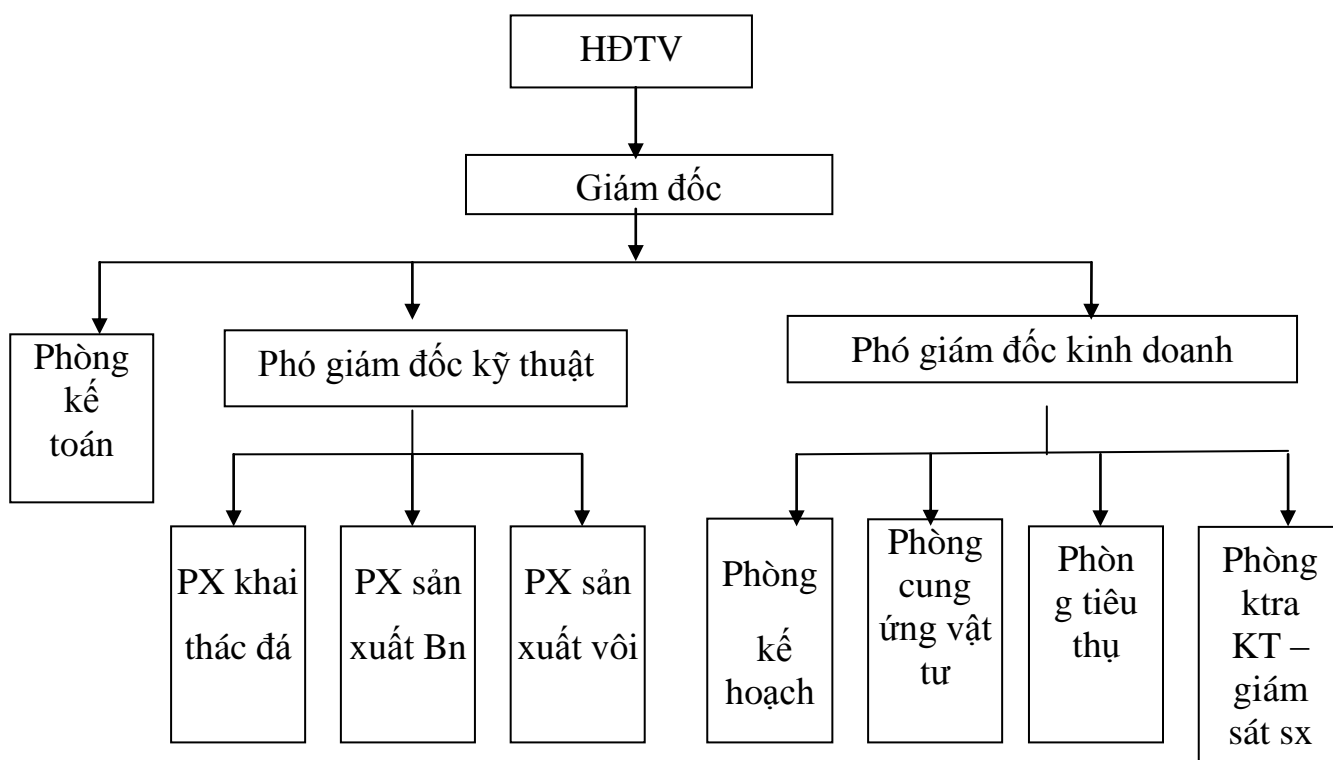


Xuất phát từ những đặc điểm trên việc tổ chức quản lý sản xuất phải phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, muốn tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác trước hết đòi hỏi phải xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm. Với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm xí nghiệp đã lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các phân xưởng sản xuất. Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm cụ thể đó là đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ ( $\text{CaCO}_3$ ).

**2.1.6- Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi theo mô hình trực tuyến chức năng.

**Sơ đồ 04: bộ máy tổ chức quản lý trong công ty**



**Hội đồng thành viên:** gồm tất cả các thành viên tham gia góp vốn, là cơ quan cao nhất của công ty. Hội đồng thành viên họp ít nhất mỗi năm một lần. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thành viên được quy định tại điều lệ của công ty.

**Giám đốc công ty:** Do Hội đồng thành viên bầu ra là đại diện cao nhất của công ty. Quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về hiệu quả hoạt động của công ty.

**Phó giám đốc:** dưới sự phân công của giám đốc, giúp giám đốc quản lý giám sát thi hành các kế hoạch về phân việc được phân công.

+ Phó giám đốc kỹ thuật: là người giúp giám đốc giám sát sản xuất về mặt kỹ thuật đảm bảo cho sản xuất được thực hiện đúng kế hoạch đề ra kịp thời về thời gian, chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn cho phép, ổn định sản xuất báo cáo kịp thời tình hình sản xuất cho giám đốc để có phương pháp giải quyết kịp thời.

+ Phó giám đốc kinh doanh: là người chịu trách nhiệm về công tác tiêu thụ sản phẩm đảm bảo doanh số bán ra hàng tháng giúp cho đơn vị ổn định sản xuất nâng cao lợi nhuận củng cố sản xuất. Đảm bảo đời sống về vật chất và tinh thần cho toàn thể lao động trong hợp tác xã nhằm tạo niềm tin cho người lao động yên tâm đem hết nhiệt huyết của mình để cống hiến cho sản xuất nâng cao năng xuất lao động tạo ra thế và lực mới cho sản xuất của đơn vị.

**\*) Chức năng của các phòng ban như sau:**

- Phòng Kế toán: chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của đơn vị, tham mưu cho giám đốc và chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý, hạch toán tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, phân tích các kết quả của sản xuất để từ đó tham mưu cho lãnh đạo đơn vị đề ra phương hướng sản xuất đúng đắn. Quản lý văn thư, con dấu, lưu trữ hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị và của nhà nước.

- Phòng tiêu thụ: chịu trách nhiệm về sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kì, phân tích tình hình tiêu thụ, thăm dò thị trường để từ đó đưa ra ý kiến kiến của mình góp phần mang lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh của đơn vị, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong các giai đoạn khác nhau.

-Phòng cung ứng vật tư: Là phòng chịu trách nhiệm lên kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu, cung ứng kịp thời đầy đủ theo nhu cầu sản xuất đảm bảo cho sản xuất được thông suốt ổn định.

-Phòng kế hoạch: Kiểm tra dự toán nội bộ, kiểm tra dự toán vật tư làm cơ sở để phòng cung ứng mua sắm vật tư dự trữ cho sản xuất. Dự tính nhân công,

máy móc để trình chủ nhiệm hợp tác xã xem xét cân đối với nguồn lực tài chính của đơn vị.

-Phòng kiểm tra kỹ thuật giám sát sản xuất: là phòng chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm sản xuất ra, nghiên cứu tìm tòi những phương pháp sản xuất có hiệu quả để làm giảm tối thiểu chi phí sản xuất. Chịu trách nhiệm giám sát sản xuất xem có đúng quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật mà đơn vị đã đề ra hay không.

### **2.1.6- Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

#### **2.1.6.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.**

Trên cơ sở các phân hành, khối lượng công tác kế toán và để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán đồng thời để xây dựng bộ máy kế toán tinh giản nhưng đầy đủ về số lượng, chất lượng nhằm làm cho bộ máy kế toán là một tổ chức phục vụ tốt mọi nhiệm vụ của công tác kế toán cũng như những nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị. Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo kiểu trực tuyến, tức là hoạt động theo phương thức trực tiếp, kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị là mô hình kế toán tập trung, toàn bộ công tác kế toán trong đều được tiến hành tập trung tại phòng kế toán, ở các bộ phận trực thuộc như các phân xưởng không tổ chức bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra hạch toán ban đầu, thu thập chứng từ, tập hợp chi phí của công trình và chuyên về phòng kế toán tập trung.

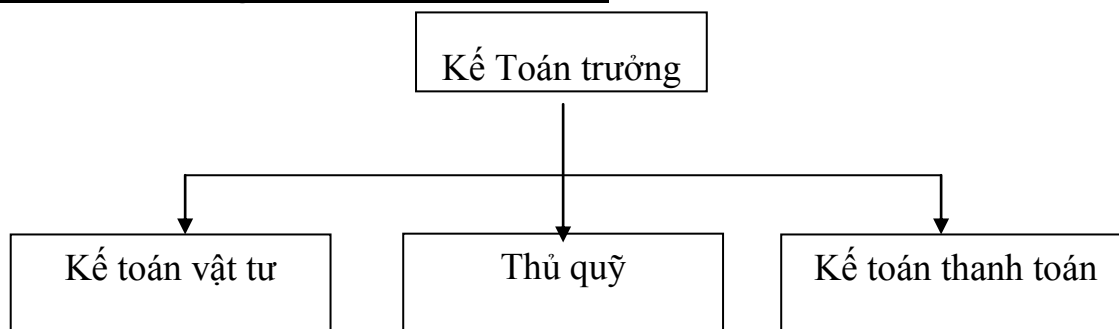
Phòng kế toán của đơn vị được trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ phục vụ cho lưu trữ, tính toán, ghi chép như máy vi tính, máy in...giúp cho việc xử lý thông tin tổng hợp thông tin của phòng kế toán được nhanh, gọn đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Hàng ngày phân loại chứng từ kế toán để ghi chép vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ kế toán chi tiết theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Cuối mỗi tháng phải cộng sổ, khoá sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh, lập các bảng kê đối chiếu số phát sinh, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách kế toán có liên quan.
- Lập các báo cáo kế toán theo quy định
- Cung cấp những thông tin cần thiết cho lãnh đạo đơn vị và đề xuất các biện pháp khắc phục góp phần củng cố, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### 2.1.6.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

#### Sơ đồ 05: Tổ chức công tác kế toán tại đơn vị:



**Kế toán trưởng:** chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các phân hành kế toán, làm theo đúng quy định của nhà nước và của pháp luật, theo đúng chế độ kế toán thống kê. Tổ chức kiểm tra chế độ kế toán trong toàn thể đơn vị, lưu trữ tài liệu đầy đủ và là người chịu toàn bộ trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về số liệu và công tác kế toán của đơn vị. Chịu trách nhiệm phụ trách chung toàn bộ phòng Tài chính kế toán, Có nhiệm vụ tổng hợp, kiểm kê, theo dõi thanh toán và tiền mặt. Kiểm tra chứng từ gốc và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, lên bảng cân đối tài sản và phân tích hoạt động kinh tế trong kỳ.

- **Kế toán vật tư:** Chuyên theo dõi tình hình nhập, xuất, dự trữ vật tư tại đơn vị. Lập kế hoạch dự trữ mua sắm vật tư để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, biến động của thị trường. Đảm bảo cho sản xuất ổn định và phát triển

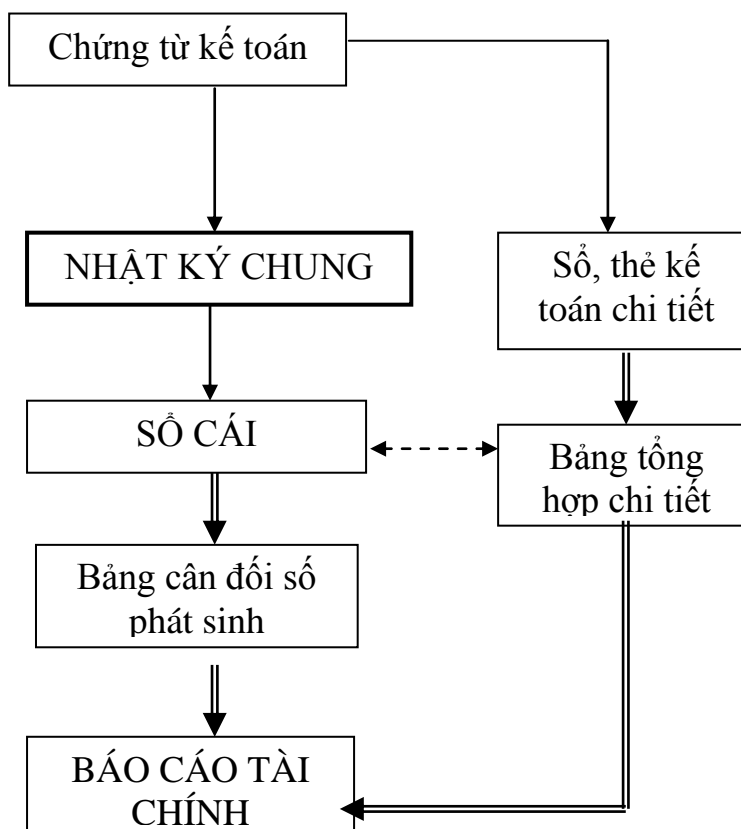
## **Khoá luận tốt nghiệp**

- **Kế toán thanh toán:** Theo dõi các khoản công nợ giữa đơn vị với khách hàng và giữa đơn vị với các đơn vị bán hàng cung cấp lao vụ dịch vụ. Đơn đốc công nợ đảm bảo vòng quay của vốn.

- **Thủ quỹ:** Làm nhiệm vụ bảo quản, kiểm tra tiền mặt hiện có tại đơn vị, thực hiện việc nhập quỹ và chi trả tiền mặt theo yêu cầu của lãnh đạo đơn vị. Bảo vệ, quản lý tiền của đơn vị và chịu trách nhiệm về số tiền mình quản lý, hàng ngày phải báo cáo tồn quỹ với người phụ trách kế toán, cuối tháng đem sổ quỹ đối chiếu với phụ trách kế toán.

### **2.1.6.3 Hình thức ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.**

#### **Sơ đồ 06: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý năm)
- <----> Đối chiếu, kiểm tra

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Theo

hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc: là các Hoá đơn mua bán, phiếu thu tiền, phiếu chi tiền, phiếu nhập kho... kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian đồng thời ghi vào những đối tượng cần theo dõi chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái tài khoản có liên quan. Cuối tháng căn cứ số liệu sổ chi tiết, kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi khoá sổ, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập Báo cáo tài chính của kỳ kế toán.

Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng Tổng hợp chi tiết..

### **2.1.6.4 Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại công ty.**

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
- Chế độ kế toán áp dụng: Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC.
- Đơn vị tiền tệ kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ hay đ).
- Niên độ kế toán: năm tài chính 1/1-31/12.
- Kỳ kế toán của công ty là tháng.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ .
- Phương pháp tính giá thành là kết chuyển tuần tự từng khoản mục.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

### **2.2 Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm tại công ty.**

#### **2.2.1 Phân loại chi phí sản xuất ở công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Là một doanh nghiệp sản xuất, chi phí sản xuất trong kỳ của công ty phát sinh thường xuyên, có giá trị lớn và bao gồm nhiều loại khác nhau. Để thuận tiện cho công tác kiểm soát, hạch toán chi phí, chi phí sản xuất trong kỳ ở công ty được phân loại thành các thứ chi phí khác nhau.

Hiện nay, chi phí sản xuất sản phẩm ở công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi được phân loại theo tiêu thức sau:

+ ) Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục giá thành: Theo cách phân loại này (theo khoản mục giá thành) chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm của công ty như: thuốc nổ, kíp mìn, than, xăng dầu...

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản chi phí về lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ... của công nhân trực tiếp trực sản xuất sản phẩm theo chế độ hiện hành.

- Chi phí sản xuất chung là chi phí bao gồm các khoản chi phí nhân viên, vật liệu, công cụ, khấu hao TSCĐ, các chi phí phải bỏ ra tại các phân xưởng mang tính chất quản lý và phục vụ sản xuất chung trong công ty.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ quản lý sản xuất định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành sản phẩm, phân tích tình hình thực hiện giá thành từ đó làm tài liệu tham khảo để lập định mức chi phí kế hoạch giá thành cho kỳ sau.

Tóm lại, mỗi cách tập hợp chi phí sản xuất đều có ý nghĩa riêng phục vụ cho từng đối tượng quản lý, từng đối tượng cung cấp thông tin cụ thể nhưng giữa các cách phân loại này luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả toàn bộ chi phí phát sinh trong phạm vi từng doanh nghiệp, trong từng thời kỳ nhất định.

### **2.2.2 Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.**

#### **2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:**

Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác, kịp thời, đòi hỏi công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải làm là xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là một giới hạn nhất định về địa điểm, thời gian phát sinh mà các chi phí tập hợp được theo đó. Sản xuất của Công ty

TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi có quy trình công nghệ riêng lẻ, loại hình sản xuất đơn chiếc, thường phân chia thành nhiều phân xưởng. Vì thế mà đối tượng hạch toán chi phí là:

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty là các phân xưởng sản xuất.

- Đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty là 3 sản phẩm do công ty sản xuất: Đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ (CACO<sub>3</sub>).

### **2.2.2.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.**

Do cách chọn đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất như trên nên công ty tiến hành hạch toán và tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp tại nơi phát sinh, cụ thể là các phân xưởng.

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo sản phẩm.

Với hàng tồn kho, công ty áp dụng phương pháp KKTX để hạch toán, kiểm tra tình hình nhập, xuất, tồn vật tư. Việc áp dụng phương pháp này cho phép theo dõi thường xuyên tình hình nhập xuất tồn các nguyên vật liệu, xác định ngay phần mất mát, thiếu hụt để truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời, đồng thời xác định nhanh chóng giá trị vật tư xuất dùng trong kỳ và đánh giá được công tác quản lý tại kho. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm, quy mô của công ty và đảm bảo quản lý chặt chẽ vật tư. Mặt khác, nó chi phối toàn bộ công tác hạch toán kế toán của đơn vị, đặc biệt là công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

### **2.2.3- Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng :**

#### **2.2.3.3 Chứng từ sử dụng: (các chứng từ trung gian sau )**

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác như: chứng từ tiền điện, nước....

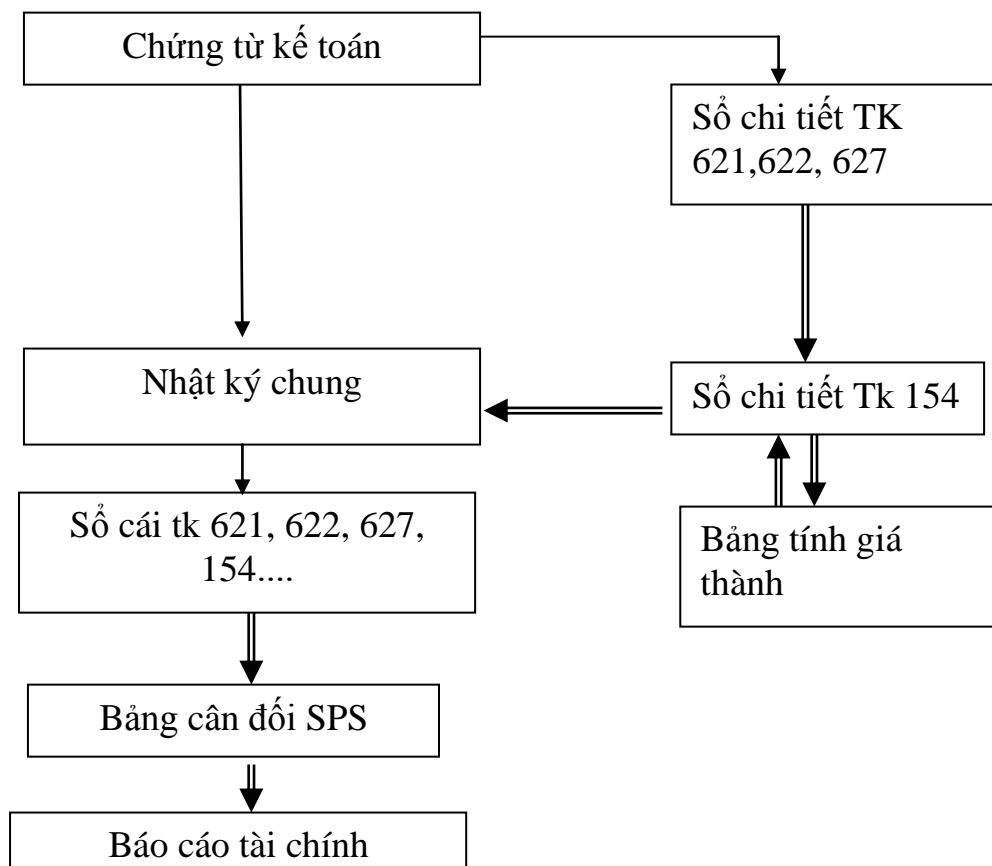
#### **2.2.3.4 Tài khoản sổ kế toán sử dụng:**

Kế toán sử dụng các Tk 621, Tk 622, Tk 627, TK 154



2.2.4- Quy trình ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

Sơ đồ 07



Ghi chú:

- Ghi theo ngày
- ⇒ Ghi theo tháng

2.2.5- Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

2.2.5.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

❖ Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Trong tổng giá thành sản phẩm thì CP NVLTT chiếm tỷ trọng lớn do đó việc hạch toán chính xác đầy đủ chi phí có vai trò quan trọng trong quá trình xác định lượng tiêu hao vật chất cho quá trình sản xuất.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu chính: Thuốc nổ AD1, dây cháy chậm....

## Khoá luận tốt nghiệp

---

- Chi phí nhiên liệu :Than, xăng, củi, dầu diesel...

- Bán thành phẩm: đá, vôi củ...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

+ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.

❖ Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 621- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp.

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 621: + Sổ chi tiết Tk 621- Phân xưởng khai thác đá

+ Sổ chi tiết Tk 621- Phân xưởng sản xuất vôi

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 621.

❖ Quy trình ghi sổ kế toán: Nguyên vật liệu của công ty được hạch toán theo phương pháp KKTX, việc mua sắm nguyên vật liệu do bộ phận cung ứng vật tư tiến hành.

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tính giá vốn của vật liệu, bán thành phẩm xuất kho. Trên cơ sở đó kế toán tập hợp CP NVL TT theo từng đối tượng tập hợp chi phí (Phân xưởng khai thác đá, Phân xưởng sản xuất vôi, Phân xưởng sản xuất bột nhẹ ) được thực hiện trên bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ. Từ bảng Phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ vào sổ chi tiết Tk 621- cho từng phân xưởng. Đồng thời từ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ vào sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái Tk 621.

- Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ .

$$\begin{aligned} \text{Giá trị bq} &= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Gia quyền cả kỳ}} \\ \text{Gia quyền cả kỳ} &= \frac{\text{Lượng thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá vốn nvl xuất kho trong tháng}} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất kho trong tháng}}{\text{đơn giá bình quân nvl xuất kho}} \times \end{aligned}$$

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

+ Khối lượng vl xuất dùng = Tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Tồn cuối kỳ

• Thực trạng công tác kế toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tháng 12 tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

- Căn cứ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (biểu 1) từ bộ phận kế toán vật tư vào sổ Nhật ký chung ( biểu 2) rồi vào Sổ cái Tk 621 (biểu 3). Đồng thời từ Bảng phân bổ này vào sổ sổ chi tiết TK 621 ( chi tiết cho từng phân xưởng ).

+ Sổ chi tiết Tk 621- Phân xưởng khai thác đá (biểu 4 )

+ Sổ chi tiết Tk 621- Phân xưởng sản xuất vôi (biểu 5)

+ Sản phẩm bột nhẹ là sản phẩm được sản xuất từ vôi củ nên ở phân xưởng này không phát sinh CP NVLTT.

**Khoá luận tốt nghiệp**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HUNG LỢI

**Biểu 1**  
**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**  
Tháng 12 năm 2008

STT	TK ghi Nợ  tk ghi có	Tài khoản 621			TK 627		Tài khoản	tài khoản
		PX- khai thác đá	PX- sx vôi	Cộng TK 621	px-KTĐ	px-SXBN	641	642
1	TK 1521- Vật liệu nổ	<b>4.912.203</b>		<b>4.912.203</b>				
	-Thuốc nổAD1	3.840.000		3.840.000				
	- KipK8	388.966		388.966				
	- Dây cháy chậm	683.237		683.237				
2	TK 1522- Nhiên liệu	<b>3.990.000</b>	<b>79.650.000</b>	<b>83.640.000</b>		<b>10.164.000</b>	<b>2.612.500</b>	<b>2.470.000</b>
	-than		79.650.000	79.650.000				
	Nhiên liệu xe con							2.470.000
	Dầu cho máy ủi	1.760.000		1.760.000				
	Dầu cho máy xúc 2L500	2.230.000		2.230.000				
	Dầu cho máy xúc L520						2.612.500	
3	TK 153-Công cụ, dụng cụ				<b>378.010</b>			
	Bao bì					10.164.000		
	- Búa 5kg				133.218			
	Xà beng				120.075			
	Ky sot				124.717			
	<b>Cộng</b>	<b>8.902.203</b>	<b>79.650.000</b>	<b>88.552.203</b>	<b>378.010</b>	<b>10.164.000</b>	<b>2.612.500</b>	<b>2.470.000</b>

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 2

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

### NHẬT KÝ CHUNG ( trích tháng 12 năm 2008 )

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tk		Số tiền	
	SH	Ngày		Nợ	Có	nợ	có
			.....				
31/12	BPB VL..	31/12	Xuất vật liệu cho khai thác	621 (Px- ktđ)		8.902.203	
	.....		Xuất nhiên liệu cho khai thác	621 (Px- sxv)		79.650.000	
			.....		152		88.552.203
			.....				
31/12	BPB KH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	627		20.586.112	
				641		6.784.280	
				642		6.697.277	
					214		34.067.669
31/12	BPB TL	31/12	Tính lương tháng 12/08	622		145.615.000	
				627		5.954.400	
				641		9.424.000	
				642		34.893.200	
					334		195.886.600
			Trích các khoản theo lương	622		24.985.950	
				627		978.336	
			.....	641		1.620.560	
				642		6.033.608	
				334		10.481.196	
					338		44.099.650
31/12		31/12	K/c CP NVL TT	154		88.552.203	
					621		88.552.203
..		...	K/c CP NCTT	154		170.600.950	
					622		170.600.950
..		...	K/c CP SXC	154		74.805.165	
					627		74.805.165
			.....				
			Cộng chuyên sang trang sau				
			Cộng lũy kế			.....	

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 3

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ CÁI**  
Tên tk: Chi phí NVLTT  
Số hiệu :621  
Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SĐĐK (T12/08)</u>		-	-
31/12	Bảng PBVL	31/12	Bảng phân bổ vật liệu ..	152	88.552.203	
31/12		31/12	K/c chi phí NVL TT	154		88.552.203
			Cộng phát sinh		88.552.203	88.552.203
			<u>SĐCK</u>		-	-

**Người ghi sổ**  
(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký,họ tên)

**Giám đốc**  
(ký,họ tên)

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 4**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT**

TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp

Đối tượng : PX-KTĐ

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày ghi			Nợ	Có
			<u>SDĐK(T12/08)</u>		-	
31/12	Bảng PBVL	31/12	Bảng phân bổ vật liệu TT			
			-Thuốc nổ AD	1521	3.840.000	
			-Kíp K8	1521	388.966	
			-Dây cháy chậm	1521	683.237	
			- Dầu cho máy ủi	1522	1.760.000	
			- Dầu cho máy xúc	1522	2.230.000	
31/12		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		8.902.203
			Cộng phát sinh		8.902.203	8.902.203
			<u>SDCK</u>		-	

**Người ghi sổ**

(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký,họ tên)

**Giám đốc**

(ký,họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 5

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

### SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp

Đối tượng : PX-sxv

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SDDK (T12/08)</u>		-	-
30/12	Bảng PBVL	30/12	Xuất kho than cho sản xuất	152	79.650.000	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí cuối kỳ	154		79.650.000
			Cộng phát sinh		79.650.000	79.650.000
			<u>SDCK</u>		-	=

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

\* ) Sản phẩm bột nhẹ là sản phẩm được sản xuất từ vôi củ nên ở phân xưởng này không phát sinh CP NVL TT.

#### 2.2.5.2- Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

❖ Nội dung kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Tiền lương là bộ phận cấu thành nên chi phí sản xuất cho nên việc tính toán và phân bổ chính xác chi phí tiền lương vào giá thành sản phẩm sẽ góp phần hạ giá thành sản phẩm, cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

CP NCTT ở công ty bao gồm các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân khoan đá, công nhân phá đá, nhân viên phân xưởng, nhân viên quản lý...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

+ Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội

❖ Tài khoản kế toán sử dụng: TK 622

+ Ngoài ra, kế toán sử dụng TK 334- Phải trả người lao động.

+ Tk 338: Phải trả, phải nộp khác

- Tk 3382: KPCĐ ( 2% tính vào chi phí)

- Tk 3383: BHXH (15% tính vào chi phí, 5% trừ vào lương )

- Tk 3384: BHYT (2% tính vào chi phí, 1% trừ vào lương )

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 622 (mở chi tiết cho từng phân xưởng ).

+ Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng khai thác đá

+ Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng sản xuất vôi

+ Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng sản xuất bột nhẹ.

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái Tk 622

❖ Quy trình ghi sổ kế toán:

Căn cứ Bảng tổng hợp thanh toán lương toàn công ty kế toán lập Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội. Từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội vào sổ Chi tiết TK 622 (mở chi tiết cho từng phân xưởng). Đồng thời từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội vào Nhật ký chung rồi vào Sổ cái Tk 622

• Thực trạng công tác kế toán Chi phí nhân công trực tiếp tháng 12 tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

- Căn cứ Bảng tổng hợp thanh toán lương toàn công ty (biểu 6) kế toán lập Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (biểu 7). Từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội vào Nhật ký chung rồi (biểu 2) vào Sổ cái Tk 622

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

(biểu 8). Đồng thời từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội vào sổ Chi tiết TK 622 (mở chi tiết cho từng phân xưởng).

- + Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng khai thác đá. (biểu 9 )
- +Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng sản xuất vôi. (biểu 10)
- + Sổ chi tiết TK 622- Phân xưởng sản xuất bột nhẹ. (biểu 11)

**Khoá luận tốt nghiệp**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**Biểu 6**  
**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG TOÀN CÔNG TY**  
( Tháng 12/2008 )

ST T	Bộ phận	Lương thời gian	Lương sản phẩm	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp (đh)	Tổng cộng	Các khoản giảm trừ (6%) (BHXH+BHYT)	Thực lĩnh	
								Số tiền	Ký
1	Bộ phận QL	31.363.200		3.530.000		34.893.200	1.881.792	33.011.408	
2	Bộ phận BH	8.424.000		1.000.000		9.424.000	505.440	8.918.560	
3	Nv phân xưởng	5.054.400		600.000	300.000	5.954.400	303.264	5.651.136	
4	Công nhân TTSX								
	+ Px-ktđ		25.800.000		3.800.000	29.600.000	1.548.000	28.052.000	
	+ Px-sxv		51.795.000		5.320.000	57.115.000	3.107.700	54.007.300	
	+ Px-sxnb		52.250.000		6.650.000	58.900.000	3.135.000	55.765.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44.841.600</b>	<b>129.845.000</b>	<b>5.130.000</b>	<b>16.070.000</b>	<b>195.886.600</b>	<b>10.481.196</b>	<b>185.405.404</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên )

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên )

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 7**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HÙNG LỢI

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

(Tháng 12 năm 2008)

stt	TK ghi Có TK ghi Nợ	Tk 334- Phải trả người lao động	TK 338- Phải trả, phải nộp khác				tổng cộng
			TK 3382	TK 3383	TK 3384	Cộng có TK 338	
			KPCĐ	BHXH	BHYT		
1	TK 622- Chi phí NCTT	<b>145.615.000</b>	<b>2.912.300</b>	<b>19.476.750</b>	<b>2.596.900</b>	<b>24.985.950</b>	<b>170.600.950</b>
	-Px- sxv	57.115.000	1.142.300	7.769.250	1.035.900	9.947.450	67.062.450
	-Px- ktđ	29.600.000	592.000	3.870.000	516.000	4.978.000	34.578.000
	-Px- sxbn	58.900.000	1.178.000	7.837.500	1.045.000	10.060.500	68.960.500
2	TK 627- Chi phí SX chung	<b>5.954.400</b>	<b>119.088</b>	<b>758.160</b>	<b>101.088</b>	<b>978.336</b>	<b>6.932.736</b>
	Px- sxv	1.984.800	39.696	252.720	33.696	326.112	2.310.912
	Px- ktđ	1.984.800	39.696	252.720	33.696	326.112	2.310.912
	Px- sxbn	1.984.800	39.696	252.720	33.696	326.112	2.310.912
3	TK 641- Chi phí bán hàng	<b>9.424.000</b>	<b>188.480</b>	<b>1.263.600</b>	<b>168.480</b>	<b>1.620.560</b>	<b>11.044.560</b>
4	TK 642- Chi phí QLDN	<b>34.893.200</b>	<b>697.864</b>	<b>4.708.480</b>	<b>627.264</b>	<b>6.033.608</b>	<b>40.926.808</b>
5	TK 334			<b>8.734.330</b>	<b>1.746.866</b>	<b>10.481.196</b>	<b>10.481.196</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>195.886.600</b>	<b>3.917.732</b>	<b>34.941.320</b>	<b>5.240.598</b>	<b>44.099.650</b>	<b>239.986.250</b>

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Khoá luận tốt nghiệp**

---

**Biểu số 8**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ CÁI**

Tên tk: Chi phí NCTT  
Số hiệu :622  
Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SĐĐK (T12/08)</u>		-	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv	334	145.615.000	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích			
			BHXH	3383	19.476.750	
			BHYT	3384	2.596.900	
			KPCĐ	3382	2.912.300	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí cuối tháng	154		170.600.950
			Cộng phát sinh		170.600.950	170.600.950
			<u>SDCK</u>		-	

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 9**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT**

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Đối tượng : PX-KTĐ

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày ghi			Nợ	Có
			<u>SĐĐK(T12/08)</u>		-	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv phân xưởng	334	29.600.000	
	BPBTL	31/12	Các khoản trích theo lương			
			BHXH	3383	3.870.000	
			BHYT	3384	516.000	
			BHCD	3382	592.000	
31/12		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		34.578.000
			Cộng phát sinh		34.578.000	34.578.000
			<u>SDCK</u>		-	

**Người ghi sổ**

(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký,họ tên)

**Giám đốc**

(ký,họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 10

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

TỔNG HỢP HƯNG LỢI

### SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Đối tượng : PX-sxv

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SDĐK (T12/08)</u>		-	-
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv	334	57.115.000	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích			
			BHXH	3383	7.769.250	
			BHYT	3384	1.035.900	
			KPCD	3382	1.142.300	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí cuối tháng	154		67.062.450
			Cộng phát sinh		67.062.450	67.062.450
			<u>SDCK</u>		-	-

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 11

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HUNG LỢI

### SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Đối tượng : PX-sxbn

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày ghi			Nợ	Có
			<u>SDĐK(T12/08)</u>		-	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv phân xưởng	334	58.900.000	
	BPBTL	31/12	Các khoản trích theo lương			
			KPCĐ	3382	1.178.000	
			BHXH	3383	7.837.500	
			BHYT	3384	1.045.000	
31/12		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		68.960.500
			Cộng phát sinh		68.960.500	68.960.500
			<u>SDCK</u>		=	-

**Người ghi sổ**  
(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký,họ tên)

**Giám đốc**  
(ký,họ tên)



**2.2.5.3- Kế toán chi phí sản xuất chung.**

❖ Nội dung chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là những chi phí quản lý, phục vụ sản xuất và những chi phí sản xuất ngoài hai khoản mục CP NVL TT và CP NCTT phát sinh ở phân xưởng sản xuất như:

- + Chi phí nhân viên phân xưởng
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất như: búa, ky sọt, xà beng...
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài..
- + Chi phí bằng tiền khác...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Hoá đơn: điện, nước, chi phí vận chuyển, sửa chữa thiết bị...
- + Bảng kê chi phí bằng tiền khác: tiền mua chè, nước, phô tô...

❖ Tài khoản kế toán sử dụng : Tk 627

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- + Sổ chi tiết TK 627 ( chi tiết cho từng phân xưởng ):
  - Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng khai thác đá
  - Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng sản xuất vôi
  - Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng sản xuất bột nhẹ.
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái Tk 627.

❖ Quy trình ghi sổ kế toán:

Căn cứ vào các Bảng phân bổ..., Hoá đơn..., Bảng kê chi phí khác ... kế toán vào sổ chi tiết Tk 627 (mở cho từng đối tượng ). Đồng thời từ các chứng từ đó vào sổ Nhật ký chung, rồi vào Sổ cái Tk 627.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

• Thực trạng kế toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

Căn cứ các chứng từ gồm:

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (biểu 1 )
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội (biểu 7 )
- Bảng phân bổ khấu hao Tài sản cố định (biểu 13 )
- Hoá đơn Giá trị gia tăng (trong tháng ) (biểu 14)
- Bảng phân bổ chi phí trả trước (biểu 15)

Kế toán vào sổ chi tiết Tk 627 (mở cho từng đối tượng ).

- + Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng khai thác đá (biểu 17)
- + Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng sản xuất vôi (biểu 18)
- + Sổ chi tiết TK 627- Phân xưởng sản xuất bột nhẹ. (biểu 19)

Đồng thời từ các chứng từ đó vào sổ Nhật ký chung (biểu 2) và vào sổ cái Tk 627 (biểu 16).

**Biểu số 13**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

tháng 12 /2008

TT	Chỉ tiêu	Nơi sử dụng		TK 627 – Chi phí sản xuất chung			TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí QLDN
		Toàn DN		PX-ktđ	PX-SXV	PX-SX BN		
		Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao					
1	I- Số khấu hao trích tháng trước	2.753.656.600	34.067.669	9.542.630	1.232.569	9.810.913	6.784.280	6.697.277
2	II-Số khấu hao tăng trong tháng	-	-	-	-	-	-	-
3	III- Số khấu hao giảm trong tháng	-	-	-	-	-	-	-
4	IV- Số khấu hao trích tháng này (I+II-III)	2.753.656.600	34.067.669	9.542.630	1.232.569	9.810.913	6.784.280	6.697.277

Người lập bảng  
( ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên )

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 14**

**HOÁ ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GH/2006B  
**0081952**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Oanh Thọ  
Địa chỉ: P. Phường Lương Khánh Thiện – TP. Phủ Lý – Hà Nam  
Số tài khoản: .....  
Điện thoại: .....  
MS: .....  
Họ tên người mua hàng: Phan Văn Hải (*Phân xưởng sản xuất bột nẹ*)  
Tên đơn vị: Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng lợi  
Địa chỉ: Kiện Khê- Hà Nam  
Số tài khoản.....  
Hình thức thanh toán: TM.....  
MS .....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dây điện	mét	55	13.500	742.500
2	Dây điện	mét	6	22.000	132.000
3	Cút đồng	cái	20	20.000	400.000
4	Cút nhôm	cái	10	15.000	150.000
5	Băng dính	cuộn	5	5.000	25.000
6	Ốc vít	kg	1	30.000	30.000
7	Tăng đơ	cái	2	25.000	50.000
8	Đui xoáy	cái	1	30.000	30.000
9	Bóng cao áp	cái	1	100.000	100.000
Cộng tiền hàng					1.659.500
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					165.650
					1.825.450
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng chẵn.					

**Người mua hàng**  
(Ký, họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ  
tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 15

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

TỔNG HỢP HƯNG LỢI

### BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: đồng

ST T	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời điểm phân bổ	Thời gian phân bổ (tháng)	trị giá phân bổ (tháng)
1	Phòng hộ LD							
	Quần áo phòng hộ	Bộ	85	90.000	7.650.000	12/2007	18	425.000
	Quần áo mưa	Bộ	86	100.000	8.600.000	12/2007	18	477.778
	Giày tất	Bộ	120	30.000	3.600.000	12/2007	18	200.000
	Giăng tay	Đôi	135	6.500	877.500	12/2007	18	48.750
	Mũ phòng hộ	chiếc	80	56.000	4.480.000	12/2007	18	248.889
	<b>Cộng</b>				<b>25.207.500</b>			<b>1.400.417</b>
2	Dây an toàn	chiếc	55	175.000	9.625.000	12/2007	20	481.250
	.....							

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 16**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HÙNG LỢI

**SỔ CÁI**

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SDĐK (T12/08)</u>		x	x
			.....			
06/12	HD 0081952	06/12	chi phí bằng tiền khác	111	1.825.450	
31/12	Bảng PBCC	31/12	Chi phí công cụ, dc	153	10.542.010	
			.....			
31/12	BPB TL	31/12	lương phải trả cnv	334	5.954.400	
			+ KPCĐ	3382	119.088	
			+ BHXH	3383	758.160	
			+ BHYT	3384	101.088	
31/12	Bảng PBKH	31/12	Chi phí KH TSCĐ	214	9.542.630	
31/12	BPB CPTT	31/12	Phân bổ CPTT về dùng máy khoan	242	555.556	
31/12	135581 .....	31/12	Tiền nước dùng cho sản xuất	331	4.687.000	
31/12		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		74.805.165
			Cộng phát sinh		74.805.165	74.805.165
			<u>SDCK</u>		x	x

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu số 17

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

TỔNG HỢP HƯNG LỢI

### SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

TK 627– Chi phí sản xuất chung

Đối tượng : PX-KTĐ

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SDĐK (T12/08)</u>		x	x
			.....			
06/12	HĐ 0081952	06/12	CP mua các vật dụng cần thiết	111	1.825.450	
31/12	BPB CC,DC	31/12	Phân bổ công cụ, dụng cụ	153	378.010	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv	334	1.984.800	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	326.112	
31/12	PB 214	31/12	Trích KH TSCĐ	214	9.542.630	
31/12	BPB 242	31/12	PB cp trả trước về máy khoan	242	555.556	
31/12	BPB 242	31/12	PB chi phí trả trước về quần áo phòng hộ, giày tất....	242	818.750	
31/12		31/12	Chi phí thuế phải trả			
			Thuế TN	3336	1.651.200	
			Thuế đất	3337	825.600	
			Phí MT	3338	3.440.000	
31/12	135581	31/12	Chi phí tiền điện dùng cho KT	111	1.049.056	
		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		22.397.164
			Cộng phát sinh		22.397.164	22.397.164
			<u>SDCK</u>		x	x

**Người ghi sổ**  
(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký,họ tên)

**Giám đốc**  
(ký,họ tên)

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 28**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HÙNG LỢI

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT**

TK 627– Chi phí sản xuất chung

Đối tượng : PX-sxv

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SĐĐK (T12/08)</u>		x	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv	334	1.984.800	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	326.112	
31/12	PB214	31/12	Trích KH TSCĐ	214	1.232.569	
31/12	PB242	31/12	PB chi phí trả trước về quần áo phòng hộ, giày, găng ...	242	471.940	
31/12	2360157	31/12	Tiền điện thoại	111	215.000	
31/12	0056122	31/12	Tiền nước	111	450.000	
31/12	135582	31/12	CP tiền điện dùng cho sx	331	1.500.000	
.....	.....	.....	.....		.....	.....
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí cuối kỳ	154		8.569.200
			Cộng phát sinh		8.569.200	8.569.200
			<u>SĐCK</u>		x	

**Người ghi sổ**  
(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký,họ tên)

**Giám đốc**  
(ký,họ tên)



**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 19**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HUNG LỢI

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT**

TK 627- Chi phí sản xuất chung

Đối tượng : PX-sxbn

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			nợ	có
			<u>SĐĐK (T12/08)</u>		x	
			.....			
03/12	Bảng PBCC	03/12	Xuất bao bì	153	10.164.000	
05/12	HĐ 0072356	05/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	250.000	
			.....			
25/12	PC 162	25/12	Chi phí sửa chữa	111	1.500.000	
31/12	BPBTL	31/12	Tính lương phải trả cnv	334	1.984.800	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	326.112	
31/12	PB 214	31/12	Trích KH TSCĐ	214	9.810.913	
31/12	BPB 242	31/12	PB CP trả trước về quần áo phòng hộ, giày tất....	242	590.976	
31/12	135853	31/12	CP tiền điện dùng cho sx	331	14.560.000	
31/12	0056123	31/12	CP tiền nước dùng cho sx	111	4.237.000	
31/12	2360158	31/12	Tiền điện thoại	111	415.000	
31/12		31/12	K/c chi phí cuối kỳ	154		43.838.801
			Cộng phát sinh		43.838.801	43.838.801
			<u>SĐCK</u>		x	

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

**2.2.6- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.**

❖ Kế toán sử dụng tài khoản:

Đề tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp trong tháng, Công ty mở TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 phản ánh chi phí sản xuất trong kỳ, giá trị thành phẩm nhập kho tại công ty.

❖ Quy trình ghi sổ kế toán:

Vào cuối tháng, kế toán tiến hành kết chuyển CP NVLTT, CP NCTT, chi phí sản xuất chung sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, tính giá thành sản phẩm làm cơ sở số liệu ghi vào sổ chi tiết Tk 154. Các bút toán kết chuyển cũng được ghi vào sổ Nhật ký chung, làm căn cứ ghi sổ cái TK 621, 622, 627 và sổ cái Tk 154.

• Thực trạng kế toán Tháng 12 tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.

- Cuối kỳ căn cứ biểu ( 3, 8,16) (621, 622, 627) và bảng tính giá thành biểu (22, 23, 24) kế toán vào sổ chi tiết Tk 154 (biểu 21). Vào sổ Nhật ký chung (biểu2 ). Từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 154 (biểu 20).

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 20**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ CÁI**

Tên tk: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu :154

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT GS			Nợ	Có
			<u>SDDK</u> (T12/08)		-	
31/12		31/12	K/c CP NVL TT	621	88.552.203	
31/12		31/12	K/c CP NCTT	622	170.600.950	
31/12		31/12	K/c CP sx chung	627	74.805.165	
31/12		31/12	K/c giá vốn hàng bán trong kỳ	632		330.579.152
			Cộng phát sinh		333.958.318	330.579.152
			<u>SDCK</u>		3.379.166	

**Người ghi sổ**  
(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký,họ tên)

**Giám đốc**  
(ký,họ tên)

**Khoá luận tốt nghiệp**

---

**biểu số 21**

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

TỔNG HỢP HƯNG LỢI

**SỔ CHI TIẾT TK 154**

Tên Tk: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Phân xưởng sản xuất vôi

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	SH	Ngày ghi sổ			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u> (T12/08 )		-	
31/12		31/12	K/c CP NVL TT	621 (Px-sxv)	82.755.083	
31/12		31/12	K/c CP NCTT	622 (Px-sxv)	79.123.970	
31/12		31/12	K/c CP sx chung	627 (Px-sxv)	16.383.068	
31/12		31/12	Chuyển sang phân xưởng sx bột nhẹ	154 ( px-sxvn)		86.757.755
31/12		31/12	K/c giá vốn hàng bán trong kỳ	632		88.125.200
			Cộng phát sinh		178.262.121	174.882.955
			<u>SDCK</u>		<u>3.379.166</u>	

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**2.2.8- Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Đánh giá sản phẩm dở dang là việc tính toán, xác định chi phí sản xuất dở dang trong kỳ. Việc đánh giá sản phẩm dở dang hợp lý là một trong những nhân tố quyết định đến tính trung thực hợp lý của giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Tuy nhiên, việc tính toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là một công việc phức tạp, khó có thể thực hiện một cách chính xác tuyệt đối.

Tại công ty do khai thác đá thô đến đâu thì đưa sản xuất đến đó nên khối lượng đá thô còn tồn là không đáng kể. Mặt khác, đơn giá chi phí đá thô cũng rất nhỏ nên kế toán coi như tổng chi phí đá thô tồn tại bãi bằng 0, chi phí sản xuất dở dang bằng 0. Do đó, kế toán không đánh giá chi phí làm dở .

\*) Sản phẩm dở dang của công ty chỉ có ở hai phân xưởng: sản xuất vôi và phân xưởng sản xuất bột nhẹ (CACO<sub>3</sub>). Đầu tháng 12 các phân xưởng không có sản phẩm làm dở (cuối tháng 11 các phân xưởng duy tu, sửa chữa lò). Phân xưởng khai thác đá không có sản phẩm dở dang cuối kỳ. Do vậy ta tập hợp được chi phí dở dang như sau :

\*) Đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ:

Cuối kỳ Phân xưởng sản xuất vôi sản xuất còn dở là 49 tấn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ đơn vị tính theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{SL sp hoàn thành}} \times \frac{\text{SL sp dở dang cuối kỳ}}{\text{SL sp dở dang cuối kỳ}}$$

**VD,** Dựa vào biểu ( 23 ) ta có:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sxkd dở} \\ \text{dang cuối kỳ ở} \\ \text{phânxưởng sản} \\ \text{xuất vôi là} \end{array} = \frac{(3.105.083 + 79.650.000)}{49 + 1151} \times 49 = \frac{82.755.083}{49 + 1151} = 3.379.166 \text{ đồng}$$

## **2.2.8- Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm.**

### **2.2.8.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm:**

Tại công ty đối tượng tính giá thành là 3 loại sản phẩm chính sau: đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ (  $\text{CaCO}_3$ ).

Do đặc điểm quy trình công nghệ của công ty là quy trình phức tạp kiểu liên tục, sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn trước (bán thành phẩm) được chuyển sang công đoạn sau để chế biến tiếp hoặc bán ra ngoài . Như vậy, cần thiết phải tính giá thành tại mỗi công đoạn sản xuất do đó đối tượng tính giá thành của công ty là bán thành phẩm và thành phẩm. Bao gồm:

- + ) Tại phân xưởng khai thác đá: đá xây dựng.
- + ) Tại phân xưởng sản xuất vôi: vôi củ.
- + ) Tại phân xưởng sản xuất bột nhẹ: bột nhẹ (  $\text{CaCO}_3$  )

### **2.2.8.2 Phân loại giá thành sản phẩm:**

Để quản lý tốt công tác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi lập kế hoạch giá thành trước khi bắt đầu sản xuất của kỳ kế hoạch. Cuối kỳ sẽ hạch toán tính ra giá thành thực tế và so sánh với giá thành kế hoạch để có biện pháp điều chỉnh và quản lý chi phí.

Do đó, giá thành của công ty được chia thành 2 loại:

- ) Giá thành kế hoạch: được xác định trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và dự toán chi phí kỳ này.
- ) Giá thành thực tế : được xác định trên cơ sở những chi phí thực tế phát sinh, nó là chỉ tiêu kinh tế phản ánh kết quả phân đầu của công ty trong việc tổ chức và sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào, các biện pháp kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

### **2.2.8.3 Kỳ tính giá thành.**

Căn cứ vào tình hình thực tế về đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm ngắn do đó công ty tổ chức tính giá thành sản phẩm định kỳ vào cuối tháng. Vào cuối tháng kế toán tính tổng giá thành và giá thành đơn vị của các thành phẩm.

**2.2.8.4 Phương pháp tính giá thành.**

+ Công ty lựa chọn phương pháp kết chuyển tuần tự từng khoản mục để tính giá thành sản phẩm sản xuất.

$$Z_i = Dđki + Z_{(i-1)} + C_i - Dcki$$

$$\sum Z_i$$

$$Z \text{ đvị sp } i = \frac{\sum Z_i}{\sum Q_{hti}}$$

$$\sum Q_{hti}$$

Trong đó  $Q_{hti}$  là số lượng sản phẩm hoàn thành.

**Khoá luận tốt nghiệp**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**

Phân xưởng: khai thác đá

Tên sản phẩm, dịch vụ: Đá xây dựng

Số lượng sản phẩm : 3.440 m<sup>3</sup>

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi phí sx chung
1- CP SXKD dở dang đk	-	-	-	-
2- Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ	65.877.367	8.902.203	34.578.000	22.397.164
3- Chi phí SXKD dở dang ck	-	-	-	-
4- Giá thành sp sx trong kỳ	65.877.367	8.902.203	34.578.000	22.397.164
5- Giá thành đơn vị	19.150,4	2.588	10.052	6.510,4
6- Giá thành sp bán ngay (2240tấn)	42.896.896	5.797.120	22.516.480	14.583.296
7- Giá thành sp chuyển sang PX-sxvôi (1200tấn)	22.980.471	3.105.083	12.061.520	7.813.868

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên )



**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 23**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**

Phân xưởng: Sản xuất vôi

Tên sản phẩm, dịch vụ: Vôi củ

Số lượng sản phẩm : 1.151 tấn

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi phí sx chung
1- CP SXKD dở dang đk	-	-	-	-
2- Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ	<b>178.262.121</b>	<b>82.755.083</b>	<b>79.123.970</b>	<b>16.383.068</b>
+ Chi phí PX-KTĐ chuyển sang	22.980.471	3.105.083	12.061.520	7.813.868
+ Chi phí phát sinh tại phân xưởng	155.281.650	79.650.000	67.062.450	8.569.200
3- Chi phí SXKD dở dang ck	<b>3.379.166</b>	<b>3.379.166</b>	-	-
+Chi phí PX-KTĐ chuyển sang còn dở dang cuối kỳ	126.791	126.791	-	-
+ Chi phí phát sinh tại PX dở dang cuối kỳ	3.252.375	3.252.375	-	-
4- Giá thành sp sx trong kỳ	<b>174.882.955</b>	<b>79.375.917</b>	<b>79.123.970</b>	<b>16.383.068</b>
5- Giá thành đơn vị	151.940	68.963	68.744	14.233
6- Giá thành sp bán ngay (580tấn)	88.125.200	39.998.540	39.871.520	8.255.140
7- Giá thành sp chuyển sang PX- sxbn (571tấn)	86.757.755	39.377.377	39.252.450	8.126.928

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên )

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 24**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**

Phân xưởng: Sản xuất bột nhẹ

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bột nhẹ

Số lượng sản phẩm : 475 tấn

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi phí sx chung
1- CP SXKD dở dang đk	-	-	-	-
2- Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ	<b>199.557.056</b>	<b>39.377.377</b>	<b>108.212.950</b>	<b>51.965.729</b>
+ Chi phí PX-sxv chuyển sang	86.757.755	39.377.377	39.252.450	8.126.928
+ Chi phí phát sinh tại phân xưởng	112.799.301	-	68.960.500	43.838.801
3- Chi phí SXKD dở dang ck	-	-	-	-
4- Giá thành sp sx trong kỳ	<b>199.557.056</b>	<b>39.377.377</b>	<b>108.212.950</b>	<b>51.965.729</b>
5- Giá thành đơn vị	420.120	82.900	227.817	109.403

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên )

**CHƯƠNG III**

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN  
PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KINH DOANH  
TỔNG HỢP HƯNG LỢI.**

**3.1 Những nhận xét đánh giá khái quát về hoạt động sản xuất, tổ chức quản lý và công tác kế toán trong công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Trong thời gian Công ty mới được thành lập này, toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, một mặt tận dụng, phát huy những thế mạnh đã có, một mặt tìm tòi, phát triển những nhân tố mới để đưa công ty hoà nhập với bước đi chung và vươn lên trong nền kinh tế chung của đất nước.

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển cũng luôn phải thực hiện triệt để hai mục tiêu cơ bản là hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nắm bắt và nhận thức đúng đắn tình hình đó, tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi tất cả các phòng ban, phân xưởng luôn cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Bộ phận kế toán của công ty luôn quan tâm đến công tác kế toán sản xuất kinh doanh, đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Mặc dù thời gian thực tập tại công ty không dài nhưng được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của ban lãnh đạo công ty, đặc biệt là phòng kế toán, em đã có cơ hội tìm hiểu và tiếp cận thực tế với công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng, tạo điều kiện cho em làm quen và nghiên cứu thực tiễn, củng cố kiến thức đã học ở trường.

Tuy hiểu biết thực tế chưa nhiều nhưng qua bài viết này em xin mạnh dạn trình bày một số nhận xét và một số kiến nghị về kế toán chi phí và tính giá thành của công ty hi vọng rằng sẽ góp một phần vào công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

### **3.1.1 Ưu điểm:**

- Tổ chức quản lý:

Mô hình tổ chức sản xuất của công ty phù hợp với các điều kiện kinh tế-kỹ thuật của mình.

Các bộ phận quản lý và sản xuất được tổ chức mang tính chuyên môn hoá cao, từng phòng ban chức năng và bộ phận sản xuất đã đi sâu vào thực hiện nhiệm vụ của mình.

Sự phân cấp chức năng quản trị hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ quản lý có thể độc lập giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng của mình.

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao, được bố trí công việc khá phù hợp với ngành nghề của mình.

Về công tác đào tạo: Công ty rất chú trọng công tác đào tạo đặc biệt là công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo lao động...Đồng thời có tổ chức thi tay nghề giỏi nhằm khuyến khích người lao động có tinh thần học hỏi cao.

Mô hình quản lý theo trực tuyến chức năng lại càng giúp cho công ty phát huy được khả năng sẵn có của bản thân và khắc phục được nhược điểm tồn tại.

*-Tổ chức sản xuất:*

Bộ máy sản xuất kinh doanh của đơn vị gọn nhẹ và năng động, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả đã giúp ban lãnh đạo công ty rất nhiều trong công tác quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất và tổ chức kế toán khoa học.

*- Bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán của đơn vị được tổ chức chặt chẽ với quy trình làm việc khoa học, cán bộ kế toán có trình độ, năng lực và nhiệt tình, được bố trí hợp lý tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm trong công việc được giao, góp phần đặc lực vào công tác hạch toán kế toán và quản lý kinh tế tài chính của đơn vị.

*- Công tác kế toán:*

Công tác kế toán tại đơn vị đã thực sự thể hiện và phát huy được vai trò trong việc cung cấp thông tin cho quản lý.

+ Thứ nhất về tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán:

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Đơn vị đã tuân thủ đúng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán Việt Nam. Hệ thống tài khoản của đơn vị không nhiều, những tài khoản chi tiết còn đơn giản. Hệ thống tài khoản sử dụng trong hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đầy đủ. Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan kế toán tập hợp vào các TK621, TK622, TK627 sau đó cuối kỳ mới kết chuyển sang tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, để từ đó tổng hợp chi phí tính toán các chỉ tiêu giá thành, sản phẩm dở dang... Việc sử dụng tài khoản này giúp cho công ty có thể tổng hợp được từng yếu tố chi phí sản xuất cụ thể, chính xác.

Việc áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hiện nay là rất hợp lý, vì nó sẽ thuận lợi trong việc cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, đáp ứng được tình hình hạch toán hiện nay. Phương pháp tính giá vật tư xuất dùng là sử dụng phương pháp đơn giá bình quân gia quyền định kỳ tháng. Vì các vật tư đầu vào của công ty đều là những mặt hàng ít có sự biến động về giá nên việc công ty áp dụng phương pháp này hoàn toàn là hợp lý, khoa học. Đây là phương pháp đơn giản, dễ tính, giảm nhẹ việc tính toán.

+ Thứ hai về hệ thống sổ kế toán.

Đơn vị áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung phù hợp với quy mô, loại hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Đối với hệ thống sổ chi tiết, được lập trên cơ sở các nhu cầu về quản lý của đơn vị đã đảm bảo quan hệ đối chiếu với sổ tổng hợp, cung cấp những thông tin chi tiết cần thiết cho quản lý. Nhìn chung, các sổ sách công ty đang sử dụng đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra, đảm bảo được sự thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế toán và các bộ phận có liên quan.

+ Thứ ba về hệ thống báo cáo tài chính:

Mặc dù kế toán thủ công vẫn là chủ yếu nhưng công ty luôn cố gắng lập các báo cáo định kỳ theo quy định, đủ và đúng hạn.

+ Thứ tư là hệ thống chứng từ.

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ Tài Chính.

+ Thứ năm là phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Từ việc nhập vật tư sản xuất, bảo quản vật tư được đảm bảo theo kế hoạch. Các phân xưởng sản xuất của công ty được bố trí phân tán ở nhiều nơi khác nhau nên việc tập hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng đã giúp cho công ty đề ra những biện pháp phản ánh kịp thời để thúc đẩy sản xuất phát triển. Trong thời gian qua công ty luôn đảm bảo được sản xuất ổn định tại các phân xưởng. Tập hợp chính xác chi phí cho từng phân xưởng là cơ sở tính toán chính xác giá thành tại mỗi phân xưởng.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang của công ty theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Phương pháp này vừa phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vừa làm giảm khối lượng công việc tính toán nhưng vẫn đảm bảo tính đầy đủ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Quy trình sản xuất của doanh nghiệp rất phức tạp. Sản phẩm của phân xưởng này lại được chuyển sang phân xưởng khác để chế biến tiếp. Đá xây dựng được khai thác do phân xưởng khai thác đá đảm nhận sau khi khai thác chế biến thành thành phẩm có thể bán ngay hoặc chuyển sang phân xưởng sản xuất vôi chế biến tiếp thành sản phẩm vôi củ. Vôi củ là thành phẩm của của phân xưởng sản xuất vôi lại được chuyển sang phân xưởng sản xuất bột nhẹ chế biến thành bột nhẹ ( $\text{CaCO}_3$ ). Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại từng phân xưởng giúp cho doanh nghiệp tính toán chính xác chi phí phát sinh ở mỗi bộ phận sản xuất. Từ đó tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty.

### **❖ Phương pháp tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm :**

#### **- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp :**

Nguyên vật liệu của đơn vị nằm trong danh mục quản lý của nhà nước (Thuốc nổ, kíp mìn, xăng dầu...). Bởi vậy doanh nghiệp luôn bố trí kho tàng quản lý đầy đủ đảm bảo đúng quy định về an toàn cháy nổ, an ninh trật tự, không để xảy ra mất mát.

Thiết lập mối quan hệ ổn định với một số nhà cung cấp , giữ uy tín trong quan hệ kinh doanh và kí hợp đồng mua vật tư trong thời gian dài với địa điểm

và thời gian giao nhận vật tư được xác định phù hợp với yêu cầu công việc. Hơn nữa, việc giao nhận vật tư thoả thuận theo tiến độ sản xuất sẽ hạn chế được tình trạng hao hụt vật tư khi bảo quản trong thời gian dài, giảm được chi phí bảo vệ, giá cả ổn định.

Việc tập hợp chi phí nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi phân xưởng sản xuất một loại sản phẩm riêng nên chi phí được tập hợp trực tiếp cho sản phẩm đó. Song công ty nên xây dựng định mức nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chính xác hơn, giúp cho doanh nghiệp tận dụng được thêm nguồn vốn kinh doanh, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

**- Đối với chi phí nhân công trực tiếp:**

Hiện nay tại công ty, chi phí nhân công được hạch toán dựa trên các chứng từ chủ yếu là các hợp đồng giao khoán, bảng chấm công và có sự giám sát của công ty trong việc tính trả lương hay tính tạm ứng ở các phân xưởng. Biện pháp này có tác dụng nâng cao năng xuất lao động và nâng cao được ý thức trách nhiệm của người công nhân, đồng thời thúc đẩy người lao động hăng say sản xuất, nâng cao năng xuất lao động đảm bảo thời gian sản xuất sản phẩm theo đúng kế hoạch đã định.

**- Chi phí sản xuất chung:**

Trong thời gian qua công ty đã làm tốt công tác quản lý những chi phí phát sinh tại các bộ phận như: Chi phí điện nước, điện thoại.....Căn cứ vào kế hoạch sản xuất được xây dựng trước công ty tiến hành phân bổ các khoản chi phí trên tại các phân xưởng. Đảm bảo hạn chế những chi phí lãng phí trong kỳ, góp phần hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

**+ Phương pháp trích khấu hao TSCĐ:**

Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể tái đầu tư TSCĐ nhanh hơn. Song do điều kiện sản xuất của doanh nghiệp có nhiều hoá chất, bụi bẩn nên tuổi thọ của máy có thể giảm sút bởi vậy doanh nghiệp cần xem xét lại thời gian hữu ích của tài sản vào cuối mỗi năm tài chính để từ đó có thể tính lại mức khấu hao trích trong

kỳ. Đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục, sản phẩm sản xuất ra đáp ứng với nhu cầu của người tiêu dùng trong thời đại mới.

+ Việc áp dụng phương pháp tính giá thành.

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kết chuyển tuần tự từng khoản mục phù hợp với đặc điểm sản xuất tại Công ty, đến cuối quy trình sản xuất mới cho ra các loại sản phẩm: đá xây dựng, vôi củ, bột nhẹ. Kỳ tính giá thành theo tháng giúp cung cấp thông tin nhanh cho ban lãnh đạo nhờ vậy Ban lãnh đạo Công ty ứng xử linh hoạt với những thay đổi trên thị trường. Trong việc tổ chức đánh giá so sánh giữa giá thành thực tế với giá thành kế hoạch, Công ty có thể đánh giá được chất lượng của công tác quản lý sản xuất kinh doanh kỳ thực tế, từ đó có biện pháp kịp thời giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### **3.1.3 Nhược điểm:**

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty đã phát huy được rõ vai trò của mình trong những năm qua. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vẫn còn một số tồn tại nhất định.

\_ Về việc luân chuyển chứng từ:

Do việc hạch toán của công ty được tiến hành tại phòng kế toán của công ty nên toàn bộ chứng từ phát sinh tại các phân xưởng được tập hợp và gửi về phòng kế toán. Việc tập hợp này ở các phân xưởng có thể chậm làm ảnh hưởng đến thông tin của công tác kế toán tại công ty.

\_ Về công tác quản trị:

Kế toán giữ một vai trò rất quan trọng trong công tác kế toán tại bất kỳ một công ty nào. Tuy nhiên tại công ty công tác kế toán quản trị vẫn chưa thực sự được quan tâm. Công tác kế toán mới chỉ thiên về chức năng kế toán tài chính (tính toán, tập hợp số liệu vào các bảng biểu, báo cáo theo quy định), chứ chưa coi trọng việc lập báo cáo mang tính chất nội bộ, chỉ sử dụng trong công ty. Kế toán quản trị tại công ty chưa làm được việc phân tích chi phí, kết quả tiêu thụ



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

từng loại sản phẩm trong kỳ nên việc tập hợp các thông tin của doanh nghiệp nhằm thiết lập phương hướng phát triển trong tương lai chưa kịp thời.

Một yếu tố nữa thể hiện sự yếu kém trong công tác kế toán quản trị tại công ty là bộ máy kế toán của công ty chưa làm tốt việc theo dõi biến động của thị trường trong tương lai. Sản xuất còn mang tính tự phát không dựa vào nhu cầu để điều chỉnh khối lượng sản xuất. Do vậy việc đề ra phương án sản xuất, tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường công ty làm chưa được hoàn thiện. Chính sách giá cả, phương thức bán hàng còn nhiều hạn chế phải được khắc phục kịp thời.

+ Trình độ lao động của công nhân còn chưa đồng đều, đa số lao động phổ thông nên việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế, chi phí đào tạo còn tốn kém chưa kịp thời và cần phải có thời gian lâu dài.

+ Kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu của công ty còn chưa hợp lý nên chi phí còn cao.

– Quản lý nguyên vật liệu:

Do đặc thù công ty vừa phải khai thác vừa sản xuất nên cần nhiều loại nguyên vật liệu, một số loại sử dụng với khối lượng lớn đòi hỏi hệ thống kho bãi phải được xây dựng đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất. Tuy nhiên công ty mới đưa vào hoạt động hệ thống kho bãi còn đang xây dựng chưa hoàn thiện nên chưa đảm bảo kho bãi chứa nguyên vật liệu dẫn đến thất thoát, giảm chất lượng nguyên vật liệu.

Ví dụ như nguyên liệu than yêu cầu của kho chứa là phải có mái che nhưng do chưa xây dựng được hệ thống mái che nên than được để ngoài trời do ảnh hưởng của thời tiết nhất là mùa mưa than dễ bị trôi đi gây hao hụt và bị thấm ướt không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

– Về sản phẩm hỏng:

Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị sản phẩm hỏng, do đó không có sự so sánh giữa các kỳ về chất lượng sản phẩm. Giá trị sản phẩm hỏng vượt định mức vẫn được tính vào giá trị sản phẩm hoàn thành trong kỳ do đó đã phần nào phản ánh chưa chính xác giá trị sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

– Đối với kế toán chi phí sản xuất chung:

Thực tế những vật dụng phòng hộ lao động được mua về để dùng cho toàn Công ty nghĩa là dụng cho cả bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, hơn nữa chi phí phân bổ mỗi tháng là không nhỏ. Nhưng công ty lại chỉ tiến hành phân bổ chi phí này cho bộ phận khai thác và sản xuất, như vậy xét về góc độ kế toán là không đúng cũng như làm cho việc tính giá thành thiếu chính xác.

– Hiện nay công ty không tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Do đặc thù sản xuất đến đâu sẽ được dự trữ luôn tại bãi ngoài trời, chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố thời tiết, nên trong trường hợp này, khi có biến động về thời tiết có thể làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng của đá thành phẩm (làm bản đá). Đá sẽ khó tiêu thụ hoặc giá bán bị giảm, gây tổn thất cho doanh nghiệp về vốn kinh doanh.

– Đối với kế toán chi phí sản xuất dở dang, tại công ty: Phân xưởng khai thác đá không có sản phẩm dở dang cuối kỳ, nên không tiến hành hạch toán khoản mục chi phí này; lý do đã giải thích như trên. Xét về góc độ kế toán tài chính, điều này hoàn toàn được coi là hợp lý, vì nó giúp kế toán tránh khỏi tính phức tạp không cần thiết. Song nếu xét trên khía cạnh kế toán quản trị, việc không có sản phẩm dở dang của Phân xưởng khai thác đá sẽ làm ảnh hưởng tới điều độ sản xuất. Có nghĩa là trong trường hợp phân xưởng khai thác đá không tiến hành khai thác đá thì đồng thời các phân xưởng sản xuất vôi củ, bột nhẹ cũng phải ngừng hoạt động theo. Như vậy có thể dẫn đến ngừng trệ sản xuất, sản xuất không kịp nhu cầu. Vì vậy theo em công ty không nên áp dụng phương thức khai thác đá thô đến đâu thì đưa vào xuất hết đến đó. Thay vào đó, công ty nên khai thác dư thừa một lượng hợp lý so với nhu cầu sản xuất thực tế, để tồn một lượng đá thô nhất định trên bãi, phục vụ cho việc đưa vào sản xuất tại bất cứ thời điểm nào cần thiết. Do vậy, kế toán chi phí theo đó cũng phải hạch toán chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

– Trong nền kinh tế thị trường, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển đã đẩy nhanh tốc độ cung cấp thông tin, việc công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán là một hạn chế lớn. Việc thực hiện kế toán thủ công tạo ra một khối lượng công

việc lớn, mà biên chế trong phòng kế toán lại ít vì vậy không thể tránh khỏi được những thiếu sót, hạn chế.

### **3.1.3 Nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại.**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót, tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi, trong đó bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu:

*\* Nguyên nhân khách quan:*

Do công ty là doanh nghiệp khai thác và sản xuất nên nguyên liệu đầu vào chủ yếu từ khai thác tài nguyên thiên nhiên (đá vôi) do đó việc sản xuất cung cấp nguyên vật liệu đầu vào của công ty phần nào cũng chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết.

*\* Nguyên nhân chủ quan:*

Thứ nhất, do công ty mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn nên còn gặp nhiều do kinh nghiệm cũng còn hạn chế, dẫn đến sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, điều hành.

Thứ hai, do tổng chi phí sản xuất trong kỳ của công ty là cũng khá lớn nên kế toán công ty đã không thực hiện trích trước chi phí nghỉ phép của công nhân vì cho rằng những chi phí này là rất nhỏ so với tổng chi phí phát sinh sẽ không gây biến động nhiều đến giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Thứ ba, do chưa áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán nên công ty thực hiện tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để thuận tiện cho việc tính toán và ghi sổ sách.

## **3.2 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Hạch toán kế toán là một biện pháp cấu thành nên hệ thống quản lý của doanh nghiệp đồng thời cũng là một công cụ đặc lực của Nhà nước trong việc

quản lý, chỉ đạo nền kinh tế quốc dân. Trong hạch toán kế toán cũng có các chuẩn mực, các chế độ chính sách đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực hiện đúng để đảm bảo tính toán chính xác và hợp lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Trong điều kiện áp dụng tin học vào công tác kế toán thì việc hạch toán chính xác các nghiệp vụ kinh tế trên các tài khoản là rất cần thiết từ việc hạch toán chính xác các nghiệp vụ thì mới đảm bảo dữ liệu được xử lý, đưa ra dữ liệu chính xác trên phần mềm.

Kế toán cần tập hợp, phản ánh đầy đủ và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm để qua các số liệu tính toán được nhà quản trị có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn về tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời qua đó cũng nghiên cứu đưa ra được các biện pháp để khắc phục những tồn tại trong công tác kế toán.

Việc phản ánh chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm sẽ tạo sự tin tưởng cho các nhà đầu tư, công ty đang tiến hành cổ phần hoá thì việc phản ánh các số liệu chính xác giúp cho các cổ đông biết rõ về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Xã hội ngày càng phát triển, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để tồn tại và phát triển là rất khốc liệt. Để có thể phát triển doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng thì việc tính đúng, tính đủ, tính chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là đòi hỏi bức thiết để qua đó đưa ra được các giải pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm tạo khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp.

### **3.2.3 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện .**

Một doanh nghiệp muốn đứng vững và tồn tại trong sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường thì phải biết khai thác, phát huy khả năng, thế mạnh của mình, phải biết xác định chính xác các khoản chi phí bỏ ra, không ngừng nghiên cứu tìm tòi áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Để đáp ứng được yêu cầu đó các doanh nghiệp phải trú

trọng tới công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sao cho công tác đó được tiến hành một cách đúng đắn khoa học nhất.

### **3.2.3 Các nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện.**

Cũng như các phân hành kế toán khác nói chung để đáp ứng được yêu cầu quản lý của đơn vị, công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng cần phải đảm bảo các nguyên tắc kế toán đó là:

- + Nguyên tắc tính đúng, tính đủ
- + Nguyên tắc kịp thời.

Bởi vì, giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn sử dụng chỉ tiêu giá thành vào quản lý thì cần thiết phải tổ chức tính đúng, tính đủ giá thành của các loại sản phẩm mà doanh nghiệp tạo ra.

Tính đúng giá thành là tính toán chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã phát sinh để sản xuất ra sản phẩm. Vì vậy phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, sử dụng đúng phương pháp tính giá thành và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu kế toán tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác.

Tính đủ là tính toán đầy đủ mọi hao phí đã bỏ ra trên cơ sở hạch toán kinh doanh, loại bỏ mọi yếu tố bao cấp để tính đầy đủ đầu vào theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi loại bỏ những chi phí không liên quan hoặc những khoản chi phí mang tính chất tiêu cực, lãng phí, không hợp lý, những khoản thiệt hại không được quy định trách nhiệm đầy đủ.

Trong hai nguyên tắc cơ bản trên thì nguyên tắc tính đúng, tính đủ thường hay bị vi phạm do các nguyên nhân khách quan và chủ quan của doanh nghiệp như các khoản chi phí phát sinh không được phản ánh kịp thời hay những khoản chi phí vượt quá định mức kế hoạch đã xây dựng nhưng không tìm rõ nguyên nhân, điều này dẫn đến rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp đó.

Sở dĩ như vậy là do nếu doanh nghiệp không hạch toán đầy đủ và chính xác các khoản mục chi phí thì không thể đánh giá đúng kết quả sản xuất để từ đó

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và các biện pháp quản lý cần thiết nhằm thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp mình. Nếu doanh nghiệp phát huy được những ưu điểm để hạ giá thành sản phẩm, thì không những tăng được lợi nhuận mà còn thực hiện tốt được trách nhiệm của mình đối với nhà nước cũng như các cán bộ công nhân viên.

Chính vì vậy, tính đúng, tính đủ chi phí trong giá thành sản phẩm có tầm quan trọng vô cùng to lớn đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn quan tâm tới công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học nhất dựa trên những căn cứ sau:

- Chế độ tài chính kế toán hiện hành.
- Tính chất đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.
- Quy mô, hình thức sản xuất và trình độ quản lý của doanh nghiệp.
- Yêu cầu và tính đặc thù trong quản lý của doanh nghiệp.
- Trình độ chung của bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần chủ động thực hiện theo các căn cứ trên để không những nâng cao được vị thế của mình trên thị trường mà còn đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung của ngành sản xuất tiêu thủ công nghiệp của đất nước.

Tuy nhiên, trong tính đa dạng và phức tạp của thực tế hàng ngày, tại mỗi doanh nghiệp có phát sinh các đặc điểm riêng. Nó đòi hỏi phải luôn hoàn thiện công tác kế toán doanh nghiệp cho phù hợp. Do đó, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một đòi hỏi khách quan và cần thiết cho các doanh nghiệp. Việc hoàn thiện dựa trên những nguyên tắc nhất định:

Thứ nhất: Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng. Song song với sự phản ánh là sự giám sát quá trình kinh doanh một cách có hiệu quả. Do vậy, cần hoàn thiện toàn bộ công tác kế toán nhằm tăng cường mức độ chính xác và tốc độ phản ánh thông tin về tài sản, công nợ, đưa ra các giải pháp tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Thứ hai: Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải dựa trên các đặc trưng khác biệt giữa hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động kinh doanh khác.

Thứ ba: Kết hợp giữa tính thống nhất và đa dạng về nội dung, phương pháp hạch toán. Nội dung, phương pháp hạch toán đều dựa trên pháp lệnh thống kê, các chế độ về chứng từ kế toán, chế độ báo cáo kế toán, song cũng cần phải dựa trên những đặc điểm riêng của hoạt động của công ty mà có sự sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Đây là quá trình tác động hai chiều từ sửa chữa những sai sót, thiếu khoa học trong thực tiễn để bổ sung hoàn thiện dần về mặt lý luận sau đó dùng thực tế để chứng minh và kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận đó.

Thứ tư: Kết hợp hài hoà, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành nói riêng.

Thứ năm: Bảo đảm nguyên tắc phục vụ theo yêu cầu kinh doanh trên cơ sở thực hiện đúng các quy định về pháp luật. Nguyên tắc này đòi hỏi khi hoàn thiện công tác kế toán phải nhạy bén chân thực phù hợp với các quy luật thị trường về kinh doanh đồng thời phải tuân thủ theo đúng các cơ chế, chính sách, luật định, khi có những vấn đề bất cập nảy sinh thì cần thiết phải có những đề xuất kiến nghị lên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có các biện pháp để điều chỉnh cho phù hợp.

Đứng trước thực tế của thị trường trong nước, nước ta lại đang trong quá trình hội nhập tổ chức thương mại thế giới nên việc quản lý tốt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đang là những thách thức lớn cho các doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp cần làm tốt hơn nữa công tác quản lý chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều bạn hàng.

### **3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi.**

Qua thời gian tìm hiểu thực tế, kết hợp với vốn kiến thức đã được học tập, dưới góc độ là một sinh viên thực tập, em xin được đưa ra một số ý kiến mang tính đóng góp, nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty như sau:

#### **3.3.1 Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ tại công ty nhiều khi bị chậm trễ làm ảnh hưởng đến công tác hạch toán và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy, để khắc phục tình trạng này, phòng kế toán nên có những quy định về thời gian giao nộp chứng từ thanh toán để hạn chế tối thiểu những trường hợp chi phí phát sinh kỳ này nhưng kỳ sau mới được hạch toán hoặc công việc dồn ứ vào những ngày cuối tháng.

#### **3.3.2 Kiến nghị 2: Đối với chi phí nguyên vật liệu:**

\*) Thiết lập mối quan hệ ổn định với một số nhà cung cấp, giữ uy tín trong quan hệ kinh doanh và nên ký hợp đồng mua vật tư với các nhà cung cấp trong thời gian dài với địa điểm và thời gian giao nhận vật tư thoả thuận theo tiến độ sản xuất sẽ hạn chế được tình trạng hao hụt vật tư khi bảo quản trong thời gian dài.

\*) Do các phân xưởng bố trí phân tán ở xa trụ sở công ty nên việc giao cho các phân xưởng lo một phần vật liệu cũng góp phần làm giảm bớt chi phí. Tuy nhiên, công ty mới chỉ sử dụng hoá đơn mua hàng để làm căn cứ ghi sổ chi phí như các khoản chi phí mua than, xăng dầu... Vì vậy để đảm bảo công tác kế toán được kịp thời của từng phân xưởng được tốt hơn công ty nên yêu cầu các phân xưởng phải lập biên bản giao nhận nguyên vật liệu giữa bên cung ứng và đại diện của phân xưởng. Biên bản có thể được lập theo mẫu sau:



## Khoá luận tốt nghiệp

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

### BIÊN BẢN GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngày.... tháng .... năm....

Chúng tôi gồm:

Ông (Bà): Đại diện bên cung ứng

Ông (Bà): Đại diện bên nhận

Đã tiến hành giao nhận số nguyên vật liệu sau:

STT	Tên, quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
	Tổng cộng		

**Đại diện bên cung ứng**

( Ký, Họ tên)

**Đại diện bên nhận**

( Ký, Họ tên)

Biên bản này được lập tại thời gian và địa điểm giao nhận vật liệu sau đó nhân viên kinh tế của đội sẽ gửi biên bản này kèm theo các chứng từ gốc về phòng kế toán để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

\*) Công ty cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu. Do ảnh hưởng của thời tiết như vào mùa mưa một số loại nguyên vật liệu để tại bãi ngoài trời dễ bị hao hụt hay thấm ướt như đá than, củi... Việc xây dựng hoàn thiện hệ thống kho bãi sẽ giúp công ty quản lý tốt nguyên vật liệu tránh thất thoát đồng thời đảm bảo chất lượng của nguyên vật liệu cung cấp cho sản xuất, tránh được hiện tượng than bị ướt cho vào lò nung sẽ ko đảm bảo cung cấp nhiệt lượng cho lò.

### 3.3.3 Kiến nghị 3: Đối với vật dụng bảo hộ lao động.

Theo em, Công ty cần xác định nhu cầu và quản lý chi phí vật dụng này theo từng bộ phận. Nhờ đó, kế toán có thể lập bảng phân bổ, tính toán chi phí trả trước theo từng bộ phận, phù hợp với đối tượng tính giá thành tại công ty và

nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất nói riêng và vốn kinh doanh nói chung.

### **3.3.4 Kiến nghị 4: Về mẫu sổ cái và sổ chi tiết.**

Mẫu sổ cái và sổ chi tiết là giống nhau, nên việc kiểm tra và cung cấp thông tin là chưa hiệu quả. Công ty nên lập sổ chi tiết hơn cho các đối tượng. Ví dụ Tk 627 mở chi tiết hơn cho các tiểu khoản 6271, 6272.....

### **3.3.5 Kiến nghị 5: Đối với chi phí nhân công trực tiếp:**

Công ty cần xây dựng định mức khoán sản phẩm cho sát với thực tế nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

### **3.3.6 Kiến nghị 6: Đối với những chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.**

Hàng năm, doanh nghiệp nên có kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

- Hàng tháng, trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo kế hoạch, ghi:

Nợ TK 627,641,642:

Có TK 335- Chi phí trả trước

- Chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 2413- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Có TK 111,331...

- Khi công trình sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế phát sinh so với số được trích trước:

Nợ TK 335- chi phí trả trước

Có TK 2413- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

- Xử lý số chênh lệch giữa chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh so với số trích theo kế hoạch (nếu có), ghi:

+ Nếu số thực tế phát sinh lớn hơn số trích trước thì sẽ trích bổ sung, ghi:

Nợ TK 627,641,642:

Có TK 335- Chi phí trả trước

+ Nếu số thực tế phát sinh nhỏ hơn số trích trước thì ghi giảm chi phí (theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và QĐ 206 về trích và quản lý khấu hao TSCĐ) hoặc ghi tăng thu nhập khác (VAS 15), kế toán ghi:

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Nợ TK 335- Chi phí trả trước

Có TK 627,641,642

Hoặc Có TK 711- Thu nhập khác

\*) Sửa chữa mang tính chất nâng cấp, cải tạo làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó:

- Khi phát sinh sửa chữa lớn; Nợ TK 2413- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ  
Có TK 111, 331...

- khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành:

+ Những chi phí phát sinh không thoả mãn tiêu chuẩn ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, kế toán ghi;

Nợ TK 627,641,642 ( nếu chi phí sửa chữa nhỏ)

Nợ TK 142,242 ( nếu chi phí sửa chữa lớn)

Có TK 2413- chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

+ Những chi phí phát sinh thoả mãn tiêu chuẩn ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, kế toán ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 2413- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

### **3.3.7 Kiến nghị 7: Áp dụng kế toán quản trị vào cung cấp thông tin**

Công ty nên coi trọng hơn nữa việc áp dụng kế toán quản trị để nhằm đề ra phương án sản xuất, tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường được tốt hơn. (Nên áp dụng kế toán quản trị theo thông tư số 53/2006/TT-BTC về việc hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp do BTC ban hành ngày 12/06/2006).

### **3.3.8 Kiến nghị 8: Về việc áp dụng kế toán máy.**

Việc thực hiện kế toán thủ công tạo ra một khối lượng công việc lớn, mà biên chế trong phòng kế toán lại ít vì vậy không thể tránh khỏi được những thiếu sót, hạn chế.

Như vậy để tiết kiệm thời gian, công sức tiền của hơn, chất lượng thông tin kế toán được đảm bảo thì doanh nghiệp sử dụng chế độ kế toán máy.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp như: AD Soft, AC Pro, Misa... Các phần mềm này có thể chỉnh sửa theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**KẾT LUẬN**

Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, doanh nghiệp muốn tiêu thụ nhiều sản phẩm, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận thì trước hết cần tạo niềm tin cho người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó nhà quản trị phải luôn luôn tìm các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm đóng vai trò rất quan trọng trong doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí sẽ giúp ban lãnh đạo có cơ sở để đưa ra được biện pháp đúng đắn giảm giá thành sản phẩm của doanh nghiệp mình tạo khả năng cạnh tranh hiệu quả.

Khoá luận: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi” đã góp phần nào vào việc phấn đấu giảm giá thành sản phẩm .

Khoá luận đã giải quyết được những vấn đề sau:

*Về mặt lý luận* đã nêu ra được những vấn đề về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, những phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

*Về mặt thực tế* đã phản ánh một cách đầy đủ tình hình hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty và dùng số liệu năm 2008 để chứng minh cho những lập luận của mình.

Tuy vậy trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất tại công ty còn có những hạn chế nhất định. Qua thực tế tìm hiểu đó, được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Bùi Thị Chung và các cô, các chú trong bộ phận kế toán Công ty, em đã hoàn thành đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi” và đã đưa ra một số ý kiến đề xuất với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn nên trong quá trình thực hiện đề tài không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Kính mong được sự giúp đỡ,

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô giáo để nội dung bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Bùi Thị Chung và các cô, các chú trong bộ phận kế toán công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Hưng Lợi, những người đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành bài khoá luận này.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

**Hà Nam, ngày 15 tháng 6 năm 2009.**

**Sinh viên**

**Lê Thị Quỳnh Thơ**

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình: Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa  
( Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính...)
2. Giáo trình: Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp- Chủ biên: TS.Trương Thị Thuỷ
3. Các luận văn tốt nghiệp- Trường Đại học dân lập Hải phòng.
4. Chế độ Kế toán doanh nghiệp:
  - Hệ thống tài khoản kế toán.
  - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.  
( Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ).
5. Một số tài liệu thu thập ở Công ty.

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

CP NVL TT:	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CP NCTT SX:	Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất
CP SXC:	Chi phí sản xuất chung
BHXH :	Bảo hiểm xã hội
BHYT:	Bảo hiểm y tế
GTGT:	Giá trị gia tăng
KPCĐ:	Kinh phí công đoàn
K/c :	Kết chuyển
TSCĐ:	Tài sản cố định
Px – ktd:	Phân xưởng khai thác đá
Px – sxv:	Phân xưởng sản xuất vôi
Px – sxbn:	Phân xưởng sản xuất bột nhẹ
NTGS:	Ngày tháng ghi sổ